



# SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 23

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2013 – Tập II

## Nội dung

Trang

<b>Phần I. Những nội dung cần lưu ý về thuế, tài chính, lao động trong 6 tháng cuối năm 2013</b>	03
<b>Phần II. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2014</b>	
1. Thuế GTGT	11
2. Thuế TNDN	16
3. Thuế TNCN	19
4. Thuế Nhà thầu	22
5. Các loại thuế khác, phí và lệ phí	23
6. Quản lý thuế	25
7. Xuất nhập khẩu	27
8. Kế toán - tài chính	30
9. Lao động, tiền lương	32
10. Ngân hàng	36
11. Chứng khoán	41
12. Các quy định khác	41
<b>Phần III. Tỷ giá tham khảo trong hạch toán kế toán</b>	
1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 06/2013 đến tháng 12/2013	45
2. Tỷ giá tính chéo giữa Đồng VN với một số ngoại tệ tại ngày 31/12/2013	46

*Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC*

**Viết tắt**

CP

*Chính phủ*

TTCP

*Thủ tướng Chính phủ*

BTC

*Bộ Tài chính*

BCT

*Bộ Công thương*

BLĐTBXH

*Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội*

NHNN

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

TCT

*Tổng Cục thuế*

TCHQ

*Tổng Cục Hải quan*

Thuế GTGT

*Thuế Giá trị gia tăng*

Thuế TNDN

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế TNCN

*Thuế thu nhập cá nhân*

NĐ

*Nghị định*

TT

*Thông Tư*

QĐ

*Quyết định*

CV

*Công văn*

**PHẦN I. NHỮNG NỘI DUNG LƯU Ý VỀ THUẾ, TÀI CHÍNH, LAO ĐỘNG TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2013**

**THUẾ**

1. **Hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp:** Ngày 26/12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2014, áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2014 trở đi; thay thế Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 và Điều 2, Điều 3 Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013.

Nghị định quy định chi tiết về thuế suất, ưu đãi thuế suất, miễn giảm thuế, chi phí được trừ và không được trừ, chuyển lỗ quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13.

*Về thuế suất thuế TNDN:*

- Mức thuế suất thông thường là 22%, từ ngày 1/1/2016 là 20%; Thuế suất ưu đãi từ 10% đến 20% áp dụng trong thời gian 15 năm hoặc suốt đời dự án, miễn thuế từ 2 đến 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp từ 4 năm đến 9 năm tùy vào lĩnh vực và địa bàn đầu tư.
- Thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm đối với các trường hợp sau: Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao, kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao...; Doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm: Sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải; Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Mức thuế ưu đãi trên cũng áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ khi được cấp phép đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10 nghìn tỷ đồng/năm chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu; Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ khi được cấp phép đầu tư và sử dụng trên 3.000 lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu.

- Các doanh nghiệp đầu tư mới tại địa bàn kinh tế khó khăn được hưởng mức thuế suất là 20% trong 10 năm. Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới vào các lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế kể từ ngày 1/1/2016 áp dụng thuế suất 17%.
- Thuế suất 20% áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô và kể từ ngày 1/1/2016 áp dụng thuế suất là 17%. Đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô sau khi hết thời hạn áp dụng mức thuế suất 10% thì chuyển sang áp dụng mức thuế suất 20% (và kể từ ngày 1/1/2016 là 17%).

*Về ưu đãi miễn giảm thuế TNDN*

- Đầu tư mới: Các doanh nghiệp đầu tư dự án mới vào khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện – kinh tế xã hội thuận lợi) được hưởng ưu đãi về miễn giảm thuế TNDN (miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo). Địa bàn có điều kiện – kinh tế xã hội thuận lợi là các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc Trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh.
- Đầu tư mở rộng: Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế TNDN mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí theo quy định thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại. Thời gian miễn, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư nâng cấp, thay thế, đổi mới công nghệ của dự án đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi theo quy định mà không đáp ứng một trong 3 tiêu chí theo quy định thì ưu đãi thuế thực hiện theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại.

Doanh nghiệp chỉ được hưởng ưu đãi thuế TNDN sau khi đã hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN; trường hợp không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được xác định theo tỷ lệ giữa chi phí hoặc doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng chi phí hoặc doanh thu của doanh nghiệp.

*Về chi phí được trừ và không được trừ*

- Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế phải đảm bảo các điều kiện sau:

- ✓ Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục, quốc phòng an ninh; khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp; chi phòng, chống HIV/AIDS tại doanh nghiệp.
- ✓ Khoản chi có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định.
- ✓ Đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp chi theo quy định.
- Bổ sung khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN: Tiền chậm nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

*Về chuyển lỗ:*

- Thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế. Trường hợp chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng bất động sản nếu bị lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế. Trường hợp doanh nghiệp làm thủ tục giải thể có bán bất động sản là tài sản cố định thì thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản được bù trừ với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư sau khi đã thực hiện bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động này hoặc bù lỗ theo quy định nếu còn lỗ và doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó, thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

2. Hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng: Ngày 31/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thay thế Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 và Thông tư số 65/2013/TT-BTC ngày 17/5/2013 của Bộ Tài chính.

Một số điểm mới đáng lưu ý của Thông tư như sau:

*Về đối tượng không chịu thuế:*

Bổ sung một số đối tượng:

- Bán tài sản đảm bảo tiền vay, cung cấp thông tin tín dụng theo Luật Ngân hàng Nhà nước.
- Chuyển nhượng quyền góp vốn

*Về các trường hợp không phải kê khai, tính và nộp thuế GTGT:*

Bổ sung một số trường hợp

- Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
- Các trường hợp nhận tiền của tổ chức, cá nhân để thực hiện dịch vụ cho tổ chức, cá nhân như sửa chữa, bảo hành, khuyến mại, quảng cáo thì phải kê khai, nộp thuế theo quy định.
- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã
- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, nếu bán cho các đối tượng khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%.

*Về giá tính thuế:*

- Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0); trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho. Đối với hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, dịch vụ trước đó thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo.
- Trường hợp cơ sở kinh doanh tự sản xuất, xây dựng tài sản cố định (tài sản cố định tự làm) để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao, cơ sở kinh doanh không phải lập hóa đơn. Thuế GTGT đầu vào hình thành nên tài sản cố định tự làm được kê khai, khấu trừ theo quy định.

- Giá tính thuế GTGT hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT. Nếu giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng chưa tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT.

*Về thuế suất:*

- Mức thuế suất 0%:
  - ✓ Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, bán vào khu phi thuế quan; công trình xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài, trong khu phi thuế quan; hàng hoá bán mà điểm giao, nhận hàng hoá ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; xuất khẩu tại chỗ và các trường hợp khác được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật.
  - ✓ Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, tiêu dùng trong khu phi thuế quan. Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí.
- Mức thuế suất 5%: Phân bón là các loại phân hữu cơ, phân vô cơ, phân vi sinh và các loại phân bón khác; quặng để sản xuất phân bón là các quặng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh khác; các sản phẩm rừng tự nhiên khai thác thuộc nhóm: Song, mây, tre, nứa, nơm, mộc nhĩ; rễ, lá, hoa, cây làm thuốc, nhựa cây và các loại lâm sản khác; nhà ở xã hội.

*Đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT:*

- Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ một tỷ đồng trở lên từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp. Thời gian áp dụng ổn định phương pháp tính thuế là hai năm liên tục.
- Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế gồm:
  - ✓ Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới một tỷ đồng đã thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, sổ sách, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ;
  - ✓ Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đang hoạt động nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ;
  - ✓ Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập có thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản cố định, máy móc, thiết bị, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;
  - ✓ Tổ chức kinh tế khác hạch toán được thuế GTGT đầu vào, đầu ra.

*Đối tượng áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT:*

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện;
- Hộ, cá nhân kinh doanh;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.
- Tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

*Về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào:*

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.
- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có dự án đầu tư, bao gồm cả cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập, vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì số thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được tạm khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh. Số thuế tạm khấu trừ được điều chỉnh theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong ba năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu.
- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

*Về đối tượng hoàn thuế GTGT:*

- Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo; trường hợp lũy kế sau mười hai tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc sau bốn quý tính từ quý đầu tiên phát sinh số thuế GTGT chưa được khấu trừ mà vẫn còn số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế.
- Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

**3. [Hướng dẫn quyết toán thuế TNCN năm 2013:](#)**

Ngoài các hướng dẫn tại các văn bản về thuế TNCN hiện hành, Tổng cục thuế đã có một số lưu ý khi quyết toán thuế TNCN năm 2013 tại Công văn số 336/TCT-TNCN ngày 24/01/2013:

Một số điểm cần lưu ý của Công văn như sau:

- Điều kiện "có nhà thuê để ở tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên" để xác định cá nhân cư trú có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/7/2013. Trước ngày 01/7/2013, điều kiện "có nhà thuê để ở tại Việt Nam" để xác định cá nhân cư trú là 90 ngày. Việc xác định số ngày có nhà thuê để ở căn cứ trên các hợp đồng thuê, kể cả hợp đồng thuê ký trước ngày 01/7/2013. Trường hợp cá nhân thuộc diện quyết toán thuế thì khi quyết toán thuế điều kiện "có nhà thuê để ở tại Việt Nam" để xác định cá nhân cư trú của năm 2013 là 183 ngày.
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% hoặc 20% nếu cá nhân không có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vắng lai thì được ủy quyền quyết toán tại tổ chức trả thu nhập ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên. Nếu cá nhân có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vắng lai thì cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế
- Tổng mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế trong năm quyết toán là 78 triệu (mức giảm trừ của 6 tháng đầu năm là 4 triệu, 6 tháng cuối năm là 9 triệu).
- Việc giảm trừ cho người phụ thuộc được tính kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, trường hợp tờ khai người phụ thuộc không xác định đúng thời điểm phát sinh thì cá nhân được đăng ký lại theo mẫu quy định và gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế.
- Trong năm 2013, việc xác định người phụ thuộc là người mắc bệnh hiểm nghèo sẽ áp dụng theo danh mục ban hành kèm Công văn 16662/BTC-TCT.
- Hồ sơ khai quyết toán thuế sẽ thực hiện theo mẫu tại Thông tư 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính

**4. [Hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế \(APA\):](#)**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 bổ sung quy định mới cho phép cơ quan Thuế được áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về xác định giá (APA). Cụ thể hóa quy định về cơ chế APA được nêu trong Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 201/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA).

Một số nội dung đáng lưu ý của Thông tư như sau:

*Về phạm vi điều chỉnh:*

Thông tư hướng dẫn về việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (gọi tắt là APA) trong quản lý thuế, giữa:

- Cơ quan thuế với người nộp thuế; hoặc
- Giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định thuế cho một thời hạn nhất định,

*Về hình thức của APA:*

Có 2 hình thức APA: APA đơn phương (APA được đàm phán và ký kết giữa cơ quan thuế Việt Nam và người nộp thuế đứng đơn đề nghị áp dụng APA), APA song phương, đa phương (APA được đàm phán và ký kết giữa cơ quan thuế Việt Nam, người nộp thuế và một hoặc nhiều cơ quan thuế đối tác có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đứng đơn đề nghị áp dụng APA trên cơ sở Hiệp định thuế).

*Về các giao dịch được áp dụng*

Các giao dịch mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, chuyển giao hoặc chuyển nhượng hàng hóa, dịch vụ trong quá trình kinh doanh (được gọi chung là giao dịch kinh doanh) giữa các bên có quan hệ liên kết, trừ các giao dịch kinh doanh liên quan đến hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá.

*Thời điểm APA được xác lập:* Trước khi người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Đối tượng người nộp thuế áp dụng:*

Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là:

- Đối tượng nộp thuế của Luật thuế TNDN;
- Thực hiện khai thuế theo phương pháp được quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 (số thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế = thu nhập tính thuế x thuế suất);
- Thực hiện giao dịch kinh doanh với các bên có quan hệ liên kết;
- Có đơn đề nghị áp dụng APA trước khi thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế cho năm đầu tiên của giai đoạn đề nghị áp dụng APA.

*Các nguyên tắc quan trọng khi áp dụng APA:*

- Các bên cùng hợp tác trao đổi, đàm phán về việc áp dụng các quy định pháp luật về thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN đối với các giao dịch liên kết trên nguyên tắc giao dịch độc lập theo giá thị trường;
- Xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết phù hợp với bản chất hoạt động kinh doanh làm phát sinh mức lợi nhuận thích hợp để thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập;
- Trong thời gian đàm phán APA, người nộp thuế thực hiện khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các phương pháp xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết được thực hiện theo văn bản pháp quy hướng dẫn về xác định giá thị trường trong giao dịch KD giữa các bên có quan hệ liên kết. Khi lựa chọn phương pháp xác định giá thị trường trong APA, căn cứ vào bản chất và phương pháp tính hơn là tên gọi của phương pháp.

APA có hiệu lực trong thời gian tối đa 5 năm. Thời điểm bắt đầu hiệu lực không trước ngày người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị áp dụng APA. Ngoài ra, APA có thể được gia hạn không quá 5 năm tiếp theo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2014

## TÀI CHÍNH

1. **Đầu tư vốn Nhà nước và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:** Ngày 31/12, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 220/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính từ năm 2013 trở đi. Thông tư này thay thế Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 5/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu và Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

Thông tư quy định cụ thể một số nội dung như sau:

*Về hoạt động đầu tư vốn ra bên ngoài doanh nghiệp*

Doanh nghiệp thực hiện hoạt động đầu tư vốn ra ngoài DN theo quy định tại các Điều 29, 30, 31, 32, 33 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP. Trong đó: DN không được sử dụng tài sản do DN đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài DN.

Trường hợp đối với các khoản đầu tư ra ngoài DN, khi DN được nhận số lượng cổ phiếu do các công ty cổ phần phát hành mà không phải thanh toán tiền (kể cả số lượng cổ phiếu đã nhận được đang theo dõi bằng số lượng trong thuyết minh báo cáo tài chính định kỳ theo quy định), DN phải theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của DN.

DN thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và theo hướng dẫn sau: Phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài DN, việc chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài DN tại công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DN nắm giữ 100% vốn điều lệ để chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên thực hiện theo hình thức đấu giá công khai hoặc thảo thuận trực tiếp quy định tại Thông tư này.

Việc chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài DN phải theo nguyên tắc giá thị trường tại thời điểm bán. Trường hợp giá chuyển nhượng dự kiến sẽ thu được sát với giá thị trường, nhưng vẫn thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của DN, nếu DN đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và khoản trích lập dự phòng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá bán dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định chuyển nhượng để thu hồi vốn đầu tư ra ngoài.

Trường hợp khoản trích lập dự phòng vẫn thấp hơn chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư ghi trên sổ kế toán với giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải báo cáo Chủ sở hữu xem xét, quyết định trước khi thực hiện chuyển nhượng.

Tiền thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài DN sau khi trừ giá trị vốn đầu tư ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp, chi phí chuyển nhượng và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định, số tiền còn lại DN hạch toán vào kết quả kinh doanh của DN.

*Về bảo toàn vốn chủ sở hữu*

DN có trách nhiệm thực hiện bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu tại DN theo quy định tại Điều 34 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

Căn cứ vào chỉ tiêu lãi, lỗ của DN theo báo cáo tài chính quý, năm để đánh giá mức độ bảo toàn vốn của DN.

Đối với DN có lãi hoặc không lỗ, mức độ bảo toàn vốn của DN được xác định theo cách tính Vốn chủ sở hữu của DN tại thời điểm báo cáo chia cho Vốn chủ sở hữu của DN cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo.

Khi xác định hệ số bảo toàn vốn theo quy định nêu trên, DN phải loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự thay đổi vốn trong kỳ báo cáo như: vốn nhà nước đầu tư bổ sung cho DN, vốn nhà nước điều chuyển từ nơi khác đến.

Trường hợp DN kinh doanh thua lỗ (không bảo toàn được vốn), Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải có báo cáo gửi chủ sở hữu và Bộ Tài chính về nguyên nhân thua lỗ không bảo toàn được vốn. Chủ sở hữu căn cứ tình hình lỗ của doanh nghiệp quyết định thực hiện giám sát tài chính hoặc giám sát tài chính đặc biệt đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Việc xử lý lỗ của DN thực hiện theo quy định của Pháp luật thuế TNDN hiện hành.

2. **Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước:** Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có một số thay đổi kể từ ngày 28/12/2013, theo Thông tư 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc DN có vốn nhà nước.

Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp căn cứ vào các chỉ tiêu sau:

*Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh nghiệp xếp loại A khi doanh thu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao.
- Doanh nghiệp xếp loại B khi doanh thu thực hiện thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được giao.
- Doanh nghiệp xếp loại C khi doanh thu thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao.

*Chỉ tiêu 2: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu*

- Doanh nghiệp xếp loại A khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao.
- Doanh nghiệp xếp loại B khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thực hiện thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được giao.



- Doanh nghiệp xếp loại C khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt dưới 90% so với kế hoạch được giao.
- Đối với những doanh nghiệp có lỗ kế hoạch: nếu lỗ thực hiện thấp hơn lỗ kế hoạch: xếp loại A; nếu lỗ thực hiện bằng lỗ kế hoạch: xếp loại B; nếu lỗ thực hiện cao hơn lỗ kế hoạch: xếp loại C. Trường hợp do thực hiện tăng thêm nhiệm vụ được loại trừ khi xác định chỉ tiêu lỗ thực hiện so với lỗ kế hoạch được giao.

*Chỉ tiêu 3: Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn*

- Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1: xếp loại A;
- Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn từ 0,5 đến 1: xếp loại B;
- Doanh nghiệp có nợ phải trả quá hạn hoặc hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn nhỏ hơn 0,5: xếp loại C.
- Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực riêng biệt (như vận tải hàng không), chủ sở hữu xem xét quyết định hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn cho phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp để làm căn cứ xếp loại chỉ tiêu này.

*Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành*

- Doanh nghiệp không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm cơ chế, chính sách một trong những lĩnh vực đã nêu tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở về việc thực hiện cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính: xếp loại A.
- Doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì xếp loại B:
  - + Bị chủ sở hữu/cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp nhắc nhở 01 lần bằng văn bản về việc nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác không đúng quy định, không đúng hạn.
  - + Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền (tổng số tiền bị xử phạt dưới 10.000.000 đồng) trong vòng 12 (mười hai) tháng tính đến thời điểm xem xét, đánh giá xếp loại doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì xếp loại C:
  - + Không nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định hoặc nộp báo cáo không đúng quy định, đúng thời hạn bị chủ sở hữu/cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp nhắc nhở bằng văn bản từ 02 lần trở lên.
  - + Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng các hình thức khác (ngoài hình thức cảnh cáo) hoặc bị phạt tiền (tổng số tiền bị xử phạt từ 10.000.000 đồng trở lên) trong vòng 12 (mười hai) tháng tính đến thời điểm xem xét, đánh giá xếp loại doanh nghiệp.
  - + Người quản lý điều hành doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của doanh nghiệp đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Tổng hợp xếp loại doanh nghiệp:*

Đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, căn cứ kết quả phân loại cho từng chỉ tiêu 1, 2, 3 và 4 nêu trên để xếp loại cho từng doanh nghiệp như sau:

- Doanh nghiệp xếp loại A khi không có chỉ tiêu xếp loại C, trong đó chỉ tiêu 2 và chỉ tiêu 4 được xếp loại A;
- Doanh nghiệp xếp loại C khi có chỉ tiêu 2 xếp loại C hoặc có chỉ tiêu 2 xếp loại B và 3 chỉ tiêu còn lại xếp loại C;
- Doanh nghiệp xếp loại B là doanh nghiệp còn lại không được xếp loại A hoặc loại C.

Thông tư có hiệu lực từ 28/12/2013, bãi bỏ Thông tư 115/2007/TT-BTC và 42/2008/TT-BTC.

**LAO ĐỘNG**

**1. Tăng lương tối thiểu vùng:**

Mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ ngày 01/01/2014 được quy định tại Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 và Thông tư số 33/2013/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2013 về việc hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

Theo đó, từ ngày 01/01/2014, mức lương tối thiểu vùng sẽ được tăng thêm từ 250.000 - 350.000 đồng/tháng. Điều này có nghĩa là mức lương tối thiểu vùng mới được áp dụng sẽ từ 1.900.000 - 2.700.000 đồng/tháng. Cụ thể, mức lương tối thiểu vùng mới đối với các doanh nghiệp hợp tác xã và các cơ quan tổ chức có thuê mướn lao động

như sau: vùng I: 2.700.000 đồng/tháng, vùng II: 2.400.000 đồng/tháng, vùng III: 2.100.000 đồng/tháng và vùng IV: 1.900.000 đồng/tháng.

Mức lương thấp nhất trả cho người lao động đã qua học nghề phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng.

Mức lương tối thiểu vùng trên dùng làm căn cứ để xác định, điều chỉnh các mức lương trong thang lương, bảng lương của doanh nghiệp và mức lương ghi trong hợp đồng lao động.

Khi áp dụng các quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, tiền lương hoặc phụ cấp làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các chức danh nghề nặng nhọc, độc hại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Các khoản phụ cấp, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp.

Ngoài ra, khuyến khích các doanh nghiệp thỏa thuận, áp dụng mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2014 và thay thế Thông tư số 29/2012/TT-BLĐTBXH ngày 10/12/2012.

2. [Mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2014](#)

Năm 2014, tổng mức đóng là 32,5%, trong đó người lao động đóng 10,5% (tăng 1% so với năm 2013), người sử dụng lao động đóng 22% (tăng 1% so với năm 2013). Cụ thể như sau:

- a. [Bảo hiểm xã hội](#): Được điều chỉnh tăng 2%. Mức đóng là 26% tiền lương, tiền công của người lao động. Trong đó:
  - Người lao động: 8%. (Tăng 1% so với năm 2013)
  - Người sử dụng lao động: 18%. (Tăng 1% so với năm 2013).
- b. [Bảo hiểm thất nghiệp](#): Không thay đổi. Mức đóng là 3% tiền lương, tiền công của người lao động. Trong đó
  - Người lao động: 1%
  - Người sử dụng lao động: 1%.
  - Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1%
- c. [Bảo hiểm y tế](#): Không thay đổi. Mức đóng là 4,5%. Trong đó:
  - Người lao động: 1,5%.
  - Người sử dụng lao động: 3%.

Mức lương để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế là tiền lương tháng theo ngạch bậc, cấp quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) hoặc tiền lương tiền công ghi trong hợp đồng lao động nhưng không thấp hơn và vượt quá 20 lần mức lương tối thiểu vùng do chính phủ quy định tại nghị định 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng đồng Việt Nam trên cơ sở tiền lương, tiền công bằng ngoại tệ được chuyển đổi bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm ngày 02 tháng 01 cho 6 tháng đầu năm và ngày 01 tháng 7 cho 6 tháng cuối năm. Trường hợp trùng vào ngày nghỉ mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa công bố thì được lấy tỷ giá của ngày tiếp theo liền kề do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

3. [Hướng dẫn trích nộp kinh phí công đoàn](#): Nội dung về trích nộp kinh phí công đoàn được hướng dẫn tại Nghị định 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 để hướng dẫn về việc trích nộp kinh phí công đoàn và các nội dung khác về tài chính công đoàn.

Theo Nghị định này, tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không phân biệt cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó đã có hay chưa có tổ chức công đoàn cơ sở, cũng sẽ phải thực hiện nộp kinh phí công đoàn. Mức đóng phí công đoàn bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Quỹ tiền lương này là tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Tổ chức, doanh nghiệp đóng kinh phí công đoàn mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động.

Nghị định bãi bỏ các quy định trước đây về trích nộp kinh phí công đoàn. Theo đó, riêng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tỷ lệ trích, mức đóng và phương thức đóng kinh phí công đoàn có nhiều thay đổi. Cụ thể:

- Tỷ lệ trích kinh phí công đoàn từ 1% tăng lên 2%.

- Quỹ tiền lương dùng để trích kinh phí công đoàn là quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động thay vì toàn bộ tiền lương, tiền công trả cho người lao động Việt Nam được phép khấu trừ vào chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế TNDN.
- Kinh phí công đoàn được đóng mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động thay vì một quý một lần vào tháng đầu tiên của quý như quy định cũ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2014. Riêng quy định về mức đóng phí công đoàn được thực hiện từ ngày Luật công đoàn có hiệu lực thi hành (01/01/2013).

## PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2013

### THUẾ GTGT

1. **Trường hợp áp dụng phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng:** Ngày 27/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 18128/BTC-TCT về việc triển khai thực hiện một số quy định có hiệu lực từ 01/01/2014 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.

Theo đó, Bộ Tài chính hướng dẫn cách xác định doanh thu năm của doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện khai thuế theo quý từ tháng 7/2013 như sau: Tổng cộng chỉ tiêu "Tổng doanh thu của HHDV bán ra chịu thuế GTGT" trên Tờ khai thuế GTGT của kỳ tính thuế các tháng 10, 11, 12 năm 2012, 6 tháng đầu năm 2013 và trên Tờ khai thuế GTGT của kỳ tính thuế quý III năm 2013. Trường hợp theo cách xác định như trên, doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên thì doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

Trường hợp doanh thu ước tính theo cách xác định trên chưa đến 1 tỷ đồng thì doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính trực tiếp, trừ trường hợp doanh nghiệp tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

Bên cạnh đó, đối với trường hợp chuyển sang áp dụng phương pháp trực tiếp từ ngày 01/01/2014 thì không được tiếp tục sử dụng hóa đơn GTGT. Trường hợp cơ sở kinh doanh không đủ thời gian đặt in hóa đơn bán hàng thì Cục Thuế xem xét bán hóa đơn để cơ sở kinh doanh đủ dùng trong thời gian 2 tháng (tháng 1, tháng 2/2014).

Đối với người nộp thuế tự xác định đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT năm 2014 thì thời gian ổn định áp dụng phương pháp khấu trừ là hai năm (2014, 2015). Trường hợp khi thanh tra, kiểm tra cơ quan thuế xác định ngưỡng doanh thu năm 2013 dưới 1 tỷ thì cũng không yêu cầu người nộp thuế thay đổi lại phương pháp tính thuế đã áp dụng và ổn định trong hai năm 2014, 2015.

2. **Khấu trừ, hoàn thuế GTGT:** Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nếu dự án có phát sinh doanh thu thì phải thực hiện kê khai bù trừ đối với số thuế GTGT của doanh thu phát sinh. Sau khi bù trừ nếu có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư mà chưa được bù trừ hết từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư (***CV số 4391/TCT-CS ngày 16/12/2013***).
3. **Về các tiêu thức trên hóa đơn:** Đối với các tiêu thức quy định về ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu, số thứ tự trên hóa đơn là các tiêu thức bắt buộc và phải đúng quy định. Vì vậy các tổ chức, cá nhân in hóa đơn phải đảm bảo đúng các tiêu thức này trên hóa đơn.

Trường hợp các tiêu thức bắt buộc khác trên hóa đơn của doanh nghiệp đã in không phản ánh đúng tính chất, đặc điểm của ngành nghề kinh doanh, xác định được nội dung hoạt động kinh tế phát sinh, số tiền thu được, xác định được người mua hàng (hoặc người nộp tiền, người thụ hưởng dịch vụ...), người bán hàng (hoặc người cung cấp dịch vụ...), không xác định được tên hàng hóa dịch vụ - hoặc nội dung thu tiền...thì tổ chức, cá nhân phải in lại hóa đơn.

Trường hợp các tiêu thức bắt buộc khác trên hóa đơn của doanh nghiệp đã in phản ánh đúng tính chất, đặc điểm của ngành nghề kinh doanh, xác định được nội dung hoạt động kinh tế phát sinh, số tiền thu được, xác định được người mua hàng (hoặc người nộp tiền, người thụ hưởng dịch vụ...), người bán hàng (hoặc người cung cấp dịch vụ...), tên hàng hóa dịch vụ - hoặc nội dung thu tiền...thì hóa đơn được chấp nhận (***CV số 4375/TCT-CS ngày 13/12/2013***).

4. **Thuế GTGT vé cước phí đường bộ:** Trường hợp vé cước phí đường bộ được lập theo quy định tại Thông tư số 191/2010/TT-BTC và giá vé ghi rõ là đã bao gồm thuế GTGT thì vé cước phí đường bộ là hóa đơn đặc thù và là chứng từ để kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định (***CV số 4351/TCT-CS ngày 12/12/2013***).
5. **Chính sách thuế đối với dự án viện trợ nhân đạo:** Thủ tục để các tổ chức quốc tế, người nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam không chịu thuế GTGT: các tổ chức quốc tế, người nước ngoài phải có văn bản gửi cho cơ sở bán hàng, trong đó ghi rõ tên tổ chức quốc tế, người nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, số lượng hoặc giá trị loại hàng mua; xác nhận của Bộ Tài chính về khoản viện trợ này.

Khi bán hàng, cơ sở kinh doanh phải lập hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn, trên hóa đơn ghi rõ là hàng bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo không tính thuế GTGT và lưu giữ văn bản của tổ chức quốc tế hoặc của cơ quan đại diện của Việt Nam để làm căn cứ kê

khai thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo có thuế GTGT thì thuộc trường hợp hoàn thuế **(CV số 4225/TCT-CS ngày 05/12/2013)**

**6. Xử lý đối với hóa đơn đã lập:**

Trường hợp lập hóa đơn chưa giao cho người mua, nếu phát hiện hóa đơn lập sai, người bán gạch chéo các liên và lưu giữ số hóa đơn lập sai.

Trường hợp hóa đơn đã lập và giao cho người mua nhưng chưa giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc hóa đơn đã lập và giao cho người mua, người bán và người mua chưa kê khai thuế nếu phát hiện sai phải hủy bỏ, người bán và người mua lập biên bản thu hồi các liên của số hóa đơn đã lập sai. Biên bản thu hồi hóa đơn phải thể hiện được lý do thu hồi hóa đơn. Người bán gạch chéo các liên, lưu giữ số hóa đơn lập sai và lập lại hóa đơn mới theo quy định.

Trường hợp hóa đơn đã lập và giao cho người mua, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, người bán và người mua đã kê khai thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót. Hóa đơn ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) số lượng hàng hóa, giá bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng..., tiền thuế giá trị gia tăng cho hóa đơn số..., ký hiệu... Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán và người mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-) **(CV số 4164/TCT-CS ngày 03/12/2013)**.

**7. Giá đất giá đất được trừ khi tính thuế GTGT:** Đối với chuyển nhượng BĐS được xác định như sau:

Trường hợp doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ thực hiện theo điểm a4 khoản 9 Điều 7 Thông tư số 06/2012/TT-BTC;

Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bất động sản có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của người dân theo hợp đồng chuyển nhượng, sau đó được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng sang thành đất ở để xây dựng chung cư, nhà ở... để bán thì giá đất được trừ khi tính thuế GTGT thực hiện theo Thông tư số 65/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2012/TT-BTC **(CV số 4136/TCT-CS ngày 02/12/2013)**.

**8. Chính sách thuế đối với hàng hóa Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu:**

Trường hợp Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu hàng hóa cho bên thuê thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, không chịu thuế giá trị gia tăng, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) thì cũng được áp dụng quy định không chịu thuế nhập khẩu, không chịu thuế giá trị gia tăng, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) như trường hợp bên thuê trực tiếp nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP nếu giá cho thuê theo hợp đồng thuê tài chính không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, nếu hàng hóa cho thuê tài chính không được sử dụng cho bên thuê như mục đích khi nhập khẩu thì Công ty cho thuê tài chính phải kê khai và nộp thuế theo quy định. Bên thuê không được nhập khẩu hàng hóa thay thế cho hàng hóa đi thuê tài chính thuộc đối tượng không chịu thuế hướng dẫn nêu trên.

**(Công văn số 16587/BTC-TCHQ ngày 29/11/2013)**

**9. Chính sách thuế GTGT khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất:** Trường hợp doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó bán lại cho tổ chức, cá nhân khác, nếu giá chuyển nhượng thấp hơn hoặc bằng giá tại thời điểm doanh nghiệp nhận chuyển nhượng thì không phát sinh giá trị gia tăng, vì vậy doanh nghiệp không phải tính nộp thuế GTGT. Nếu giá chuyển nhượng cao hơn giá tại thời điểm doanh nghiệp nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ áp dụng theo quy định tại a4 khoản 9 Điều 7 Thông tư số 06/2012/TT-BTC và theo đúng ví dụ 26 nêu tại Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính. **(CV số 4073/TCT-CS ngày 27/11/2013)**

**10. Sử dụng hóa đơn đối với hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ:** Khi làm thủ tục hải quan và thủ tục hoàn thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ thì hồ sơ hải quan quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 45 và hồ sơ hoàn thuế quy định tại khoản 7 Điều 117 Thông tư số 128/2013/TT-BTC đề nghị doanh nghiệp nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính hóa đơn xuất khẩu. Trường hợp doanh nghiệp nội địa bán hàng vào khu phi thuế quan thì sử dụng hóa đơn GTGT (liên giao khách hàng) do doanh nghiệp xuất khẩu lập thay cho hóa đơn xuất khẩu khi làm thủ tục hải quan.

Hướng dẫn này áp dụng cho cả doanh nghiệp thực hiện xuất nhập khẩu tại chỗ theo thủ tục hải quan điện tử quy định tại Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính.

**(Công văn số 16239/BTC-TCHQ ngày 22/11/2013)**

**11. Hóa đơn bất hợp pháp:** Trường hợp doanh nghiệp sử dụng hóa đơn xuất khẩu lập trước ngày gửi Thông báo phát hành hóa đơn cho cơ quan thuế thì những hóa đơn này được coi là hóa đơn bất hợp pháp. Doanh nghiệp không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào tương ứng của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nêu trên. Doanh nghiệp bị xử phạt về hành vi lập hóa đơn bất hợp pháp khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Khoản 7 Điều 33 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP. **(CV số 3723/TCT-KK ngày 05/11/2013)**

12. **Bàn giao thuế GTGT khi giải thể chi nhánh:** Trường hợp Công ty có 1 chi nhánh khác địa phương, chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc có con dấu, có mã số thuế đơn vị trực thuộc, có tài khoản tiền gửi ngân hàng, chi nhánh thực hiện đầy đủ sổ sách kế toán và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế tại Cục thuế địa phương thì khi Công ty có quyết định giải thể chi nhánh và giao cho Công ty tiếp nhận toàn bộ thiết bị, tài sản, con người cũng như giải quyết toàn bộ các vướng mắc còn tồn tại có liên quan về kinh tế, tài chính của chi nhánh, chi nhánh phải bàn giao toàn bộ số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết (nếu có) cho Công ty để Công ty kê khai khấu trừ tại Cục thuế nơi đóng trụ sở theo chế độ quy định. **(CV 3689/TCT-CS ngày 04/11/2013)**
13. **Hoàn thuế GTGT:** Trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế, nếu có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư. Cơ sở kinh doanh phải kê khai, lập hồ sơ hoàn thuế riêng đối với trường hợp này. Trường hợp có ban quản lý dự án thì ban quản lý dự án thực hiện đăng ký, kê khai lập hồ sơ hoàn thuế riêng với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký thuế (trừ ban quản lý dự án cùng địa bàn tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính do doanh nghiệp trụ sở chính lập hồ sơ hoàn thuế GTGT). Khi dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp mới đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã hoàn, số thuế GTGT chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế GTGT theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp **(CV số 3585/TCT-DNL ngày 29/10/2013)**.
14. **Hóa đơn điều chỉnh cho khoản chiết khấu thương mại:** Trường hợp Công ty có chính sách chiết khấu thương mại cho một số khách hàng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thực tế mua đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá, chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền giảm giá, chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) giảm giá, chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào **(CV số 3529/TCT-CS ngày 24/10/2013)**.
15. **Hướng dẫn giảm thuế GTGT đối với nhà ở thương mại:** Ngày 16/10/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 141/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.
- Theo đó, việc áp dụng giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT đối với bán, cho thuê mua nhà ở thương mại phải đáp ứng các điều kiện: Nhà ở thương mại dùng để bán, cho thuê mua là căn hộ chung cư hoàn thiện có diện tích sàn được ghi trong hợp đồng dưới 70m<sup>2</sup> và có giá bán, cho thuê mới dưới 15 triệu đồng/m<sup>2</sup>; giá bán, giá cho thuê mua nhà ở thương mại đã bao gồm thuế GTGT 10%, phí bảo trì công trình theo quy định và phải được ghi rõ trong hợp đồng.
- Trường hợp bán, cho thuê mua nhà ở xã hội, thuế suất 5% áp dụng theo hợp đồng bán, cho thuê mua nhà ở xã hội được ký từ ngày 01/7/2013 và áp dụng với số tiền thanh toán từ ngày 01/7/2013 đối với hợp đồng ký trước ngày 01/7/2013. Trường hợp cho thuê nhà ở xã hội, thuế suất 5% áp dụng căn cứ vào thời điểm thu tiền theo hợp đồng (kể cả trường hợp thu tiền trước cho nhiều kỳ) kể từ ngày 01/7/2013. Trường hợp doanh nghiệp chưa nhận được tiền thuê nhà kể từ ngày 01/7/2013 thì áp dụng theo thời điểm xuất hoá đơn.
- Đồng thời, từ 01/7/2013, áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, kể cả hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp có thu có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng.
- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/11/2013.
16. **Khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư XD CB:** Trường hợp Công ty có dự án trồng cây cao su để khai thác, chế biến mủ cao su và có hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT nhưng Công ty chưa có dự án xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su nên chưa có cơ sở để xác định sản phẩm đầu ra của dự án trồng cao su này thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Vì vậy, thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động trồng cao su trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa có cơ sở để xem xét, hoàn thuế GTGT **(CV số 3014/TCT-DNL ngày 16/09/2013)**.
17. **Hóa đơn GTGT:** Trường hợp Tập đoàn điều chuyển nguồn quỹ phát triển khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp thành viên hoặc công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn để các đơn vị trực tiếp sử dụng, thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ, khi nghiệm thu, quyết toán đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ, Tập đoàn sử dụng chứng từ chỉ cho doanh nghiệp thành viên, công ty con để thanh toán; doanh nghiệp thành viên, công ty con không phải sử dụng hóa đơn GTGT. Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên, công ty con phải thực hiện báo cáo tình hình nhận điều chuyển và sử dụng số tiền Quỹ được điều chuyển với cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Các khoản chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ này doanh nghiệp thành viên, công ty con phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật
- Trường hợp Tập đoàn ký hợp đồng nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ với các đơn vị mà Tập đoàn không sở hữu 100% vốn để thực hiện các đề tài dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ thì khi nghiệm thu, quyết toán đề tài dự án, các đơn vị lập hóa đơn GTGT cho Tập đoàn theo quy định **(CV số 3015/TCT-DNL ngày 16/9/2013)**

18. **Khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động đại lý:** Người nộp thuế là đại lý bán hàng hóa, dịch vụ hoặc là đại lý thu mua hàng hóa theo hình thức bán, mua đúng giá hưởng hoa hồng không phải khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ bán đại lý; hàng hóa thu mua đại lý nhưng phải khai thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng. Hóa đơn đầu ra, đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán đại lý và hàng hóa thu mua đại lý được khai trên bảng kê mẫu số 01-1/GTGT và mẫu số 01-2/GTGT; số liệu tổng hợp về hàng hóa, dịch vụ bán đại lý, hàng hóa thu mua đại lý trên hai bảng kê này không được sử dụng làm căn cứ để lập Tờ khai thuế giá trị gia tăng.
- Đối với các hình thức đại lý khác thì người nộp thuế phải khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ bán hàng đại lý; hàng hóa thu mua đại lý và thù lao đại lý được hưởng.
- Người nộp thuế là đại lý bán đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng của dịch vụ: bưu chính, viễn thông, bán vé xổ số, vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy; đại lý vận tải quốc tế; đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; đại lý bán bảo hiểm thì không phải khai thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu hàng hóa, dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng.
- Người nộp thuế là đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng thì không phải khai thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu hàng hóa, dịch vụ đó và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng (***CV số 2817/TCT-CS ngày 28/08/2013***)
19. **Lập hóa đơn GTGT sau khi cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra truy thu, xử phạt:** - Ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Ngày lập hóa đơn đối với cung ứng dịch vụ là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền.
- Sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhầm lẫn gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế (***CV số 2674/TCT-CS ngày 15/08/2013***).
20. **Thuế GTGT dịch vụ chăm sóc người cao tuổi:** Dịch vụ điều dưỡng sức khỏe, phục hồi chức năng cho người bệnh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên dịch vụ chăm sóc người cao tuổi (không bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh) không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (***CV số 2690/TCT-CS ngày 16/08/2013***).
21. **Giảm 50% thuế GTGT khi bán, cho thuê nhà ở thương mại:** Ngày 13/8/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng thuế GTGT.
- Theo đó, giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 1/7/2013 đến hết ngày 30/6/2014 đối với bán, cho thuê hoặc cho thuê mua nhà ở thương mại là căn hộ hoàn thiện có diện tích sàn dưới 70 m<sup>2</sup> và có giá bán dưới 15 triệu đồng/m<sup>2</sup>.
- Việc giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp cho thuê nhà ở thương mại được tính trên số tiền cho thuê trả từng kỳ theo quy định tại hợp đồng cho thuê từ ngày 1/7/2013 đến hết ngày 30/6/2014 (kể cả trường hợp trả trước tiền thuê cho nhiều năm). Trường hợp doanh nghiệp cho thuê nhà từ ngày 1/7/2013 đến hết ngày 30/6/2014 mà chưa nhận được tiền cho thuê thì giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng tính trên số tiền cho thuê từ ngày 1/7/2013 đến hết ngày 30/6/2014.
- Các hợp đồng bán, cho thuê mua nhà ở thương mại ký trước ngày 01/7/2013 và trong thời gian từ 01/7/2013 đến hết ngày 30/6/2014 cũng được áp dụng giảm 50% thuế GTGT đối với số tiền thanh toán trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến hết 30/6/2014.
- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
22. **Hướng dẫn thực hiện hóa đơn điện tử:** Doanh nghiệp có thể sử dụng đồng thời nhiều hình thức hóa đơn khác nhau và phải thực hiện thông báo phát hành đối với từng hình thức hóa đơn theo quy định. Tuy nhiên đối với mỗi lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp chỉ được sử dụng một hình thức hóa đơn.
- Đối với kê khai, nộp thuế hàng tháng: trường hợp doanh nghiệp sử dụng cả 02 hình thức hóa đơn (Hóa đơn điện tử và Hóa đơn tự in) được tạo từ hai hệ thống khác nhau cho việc cung cấp các hàng hóa, dịch vụ khác nhau thì doanh nghiệp tổng hợp số liệu trên HĐĐT và hóa đơn tự in để thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định trong cùng một tờ khai thuế đối với từng sắc thuế theo mẫu biểu hướng dẫn tại các Thông tư hiện hành của Bộ Tài chính (***CV số 2597/TCT-DNL ngày 12/08/2013***)
23. **Thuế đối với hoạt động xây dựng, kinh doanh vắng lai ngoại tỉnh:** Người nộp thuế kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh thì khai thuế giá trị gia tăng tạm tính theo tỷ lệ 2% đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% hoặc theo tỷ lệ 1% đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia

tăng 5% trên doanh thu hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế giá trị gia tăng với Chi cục Thuế quản lý địa phương nơi kinh doanh, bán hàng (**CV số 2442/TCT-CS ngày 31/07/2013**).

24. **Hóa đơn bán đấu giá tài sản nhà nước:** Trường hợp tổ chức sử dụng hóa đơn bán tài sản nhà nước (mẫu số 01/TSNN-HĐ) hướng dẫn tại Thông tư số 225/2009/TT-BTC ngày 26/11/2009 của Bộ Tài chính. Trên hóa đơn bán tài sản nhà nước, tại dòng "Cộng tiền bán tài sản nhà nước" ghi tổng số tiền bán tài sản (không có thuế GTGT). Tài sản nhà nước được bán đấu giá không phải nộp thuế GTGT (**CV số 2397/TCT-CS ngày 29/07/2013**).

25. **Điều chỉnh hóa đơn:** Trường hợp hóa đơn đã lập nhưng chưa khai thuế, nếu phát hiện sai sót thì người bán và người mua lập biên bản thu hồi hóa đơn đã lập sai và lập lại hóa đơn mới. Trường hợp hóa đơn đã lập và giao cho người mua, người bán và người mua đã kê khai thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót (**CV số 2381/TCT-CS ngày 26/07/2013**).

26. **Thuế suất thuế GTGT:** Trường hợp Công ty thực hiện các dịch vụ: Quản lý, trồng cây, chăm sóc cây tại công viên và trang trí ngày lễ tết tại những địa điểm do thành phố yêu cầu (treo cờ, băng rôn, khẩu hiệu, bóng bay; xếp chữ bằng cây hoa; cung cấp, lắp đặt các loại đèn trang trí, vật trang trí...) thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Còn các dịch vụ khác do Công ty cung cấp như: Xây dựng, sửa chữa vật kiến trúc tại công viên thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10 % (**CV số 2373/TCT-CS ngày 25/07/2013**).

27. **Hóa đơn bán lẻ:** Cơ quan thuế cấp hóa đơn cho các tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh nhưng có phát sinh hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cần có hóa đơn để giao cho khách hàng.

Trường hợp tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc thuộc trường hợp không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng thì cơ quan thuế không cấp hóa đơn.

Hóa đơn do cơ quan thuế cấp theo từng số tương ứng với đề nghị của tổ chức, hộ và cá nhân không kinh doanh gọi là hóa đơn lẻ.

Tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh nhưng có phát sinh hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cần có hóa đơn để giao cho khách hàng được cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ là loại hóa đơn bán hàng.

Trường hợp doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã quyết toán thuế, đã đóng mã số thuế, phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua được cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ là loại hóa đơn bán hàng.

Riêng đối với tổ chức, cơ quan nhà nước không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có bán đấu giá tài sản, trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được cấp hóa đơn giá trị gia tăng để giao cho người mua (**CV số 2342/TCT-CS ngày 23/07/2013**).

28. **Kê khai thuế GTGT đối với công trình, dự án sử dụng vốn NSNN, vốn ODA:** Người nộp thuế có hoạt động xây dựng cơ bản được chủ đầu tư thanh toán cho khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án sử dụng vốn ODA (phần vốn đối ứng trong nước thanh toán tại Kho bạc Nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án ODA), không kể có trụ sở chính hay không có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, thành phố hoặc quận, huyện nơi có hoạt động xây dựng công trình đều thuộc diện Kho bạc Nhà nước khấu trừ số thuế GTGT để nộp vào ngân sách nhà nước.

Số thuế GTGT khấu trừ được xác định bằng 2% giá trị khối lượng hoàn thành công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản đã được Kho bạc Nhà nước chấp nhận trong từng lần chủ đầu tư đề nghị thanh toán được chủ đầu tư tính toán bao gồm cả giá trị tư vấn giám sát, khảo sát thiết kế lập kế hoạch dự án ... ghi trên cùng hợp đồng của công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản.

Không thực hiện khấu trừ thuế GTGT đối với các hợp đồng tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự án, kiểm toán, bảo hiểm (**CV số 2284/TCT-KK ngày 17/07/2013**).

29. **Chứng từ thu phí khám chữa bệnh:** Trường hợp các doanh nghiệp ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để khám chữa bệnh cho người lao động có thẻ bảo hiểm y tế thông qua các Trạm y tế của doanh nghiệp (các Trạm Y tế này được Sở Y tế cấp phép thành lập) thì khoản tiền thanh, quyết toán này từ cơ quan bảo hiểm xã hội cũng là khoản thu thuộc NSNN, do đó, về nguyên tắc cũng phải sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí.

Tuy nhiên, theo quy định về việc sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí thuộc NSNN tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước thì chỉ có các cơ quan thu phí, lệ phí mới thuộc đối tượng được sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí.

Vì vậy, khi doanh nghiệp nhận tiền thanh toán phí khám chữa bệnh cho người lao động có thẻ bảo hiểm y tế từ cơ quan bảo hiểm xã hội theo hợp đồng đã ký thì doanh nghiệp phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng, trên hóa đơn ghi rõ nội dung thanh toán tiền khám chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế, không ghi thuế giá trị gia tăng (**CV số 2185/TCT-CS ngày 04/07/2013**).

30. **Thuế GTGT đối với dịch vụ phần mềm:** Trường hợp doanh nghiệp trực tuyến ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài để mua phần mềm có kèm theo dịch vụ phần mềm (dịch vụ bảo trì, hỗ trợ và hướng dẫn sử dụng phần mềm...) theo quy định của pháp luật tại Việt Nam thì dịch vụ bảo trì, hỗ trợ và hướng dẫn sử dụng phần mềm đi kèm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (**CV số 2125/TCT-CS ngày 01/07/2013**).

**THUẾ TNDN**

1. **Hoàn thuế TNDN nộp thừa từ chuyển quyền sử dụng đất:** Trường hợp công ty có trụ sở tại Hồ Chí Minh thực hiện khai thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh, khi phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại Đà Nẵng thì công ty kê khai và nộp thuế cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định với Cục Thuế Đà Nẵng. Kết thúc năm khi lập tờ khai quyết toán thuế TNDN tại trụ sở chính, công ty phải quyết toán riêng số thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản. Trường hợp hoạt động chuyển nhượng bất động sản bị lỗ thì doanh nghiệp phải theo dõi riêng và được chuyển lỗ vào thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản của các năm sau. Trường hợp phát sinh số thuế nộp thừa thì được hoàn trả hoặc bù trừ theo quy định (**CV số 4490/TCT-KK ngày 19/12/2013**).

2. **Gia hạn nộp thuế TNDN:** Tiêu chí về doanh thu là một trong hai điều kiện mà doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ phải đáp ứng mới đủ điều kiện được gia hạn nộp thuế theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu NSNN theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ. Cách xác định tiêu chí doanh thu đã phân loại theo từng đối tượng thành lập được thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính. Trong đó, các mẫu tờ khai: mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 01A/TNDN, mẫu số 01B/TNDN được áp dụng thống nhất theo quy định tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính về quản lý thuế

Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động cho thuê tài sản và thu trước tiền khách hàng trong nhiều năm nếu doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí lao động, doanh thu tính thuế GTGT lớn hơn 20 tỷ đồng, doanh thu tính thuế TNDN không quá 20 tỷ đồng và không thuộc các đối tượng bị loại trừ gia hạn nộp thuế TNDN thì doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế TNDN theo tiêu chí doanh thu không quá 20 tỷ đồng nhưng không được gia hạn nộp thuế GTGT theo tiêu chí doanh thu lớn hơn 20 tỷ đồng (**CV số 4476/TCT-CS ngày 19/12/2013**).

3. **Cấp hóa đơn lẻ đối với doanh thu cho thuê địa điểm đặt trạm phát sóng:** Hộ, cá nhân không kinh doanh cho thuê địa điểm lắp đặt trạm thu, phát sóng viễn thông cần có hóa đơn để giao cho khách hàng thì được cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ.

Trường hợp hộ, cá nhân không kinh doanh nhận được tiền từ việc cho thuê địa điểm lắp đặt trạm thu, phát sóng viễn thông dưới mức doanh thu không phải nộp thuế theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư số 28/2011/TT-BTC thì cơ quan thuế không cấp hóa đơn lẻ cho hộ, cá nhân không kinh doanh nêu trên. Doanh nghiệp thuê địa điểm lắp đặt trạm thu, phát sóng viễn thông của các hộ, kinh doanh nêu trên lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào (theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính về thuế TNDN) kèm theo hợp đồng thuê địa điểm và chứng từ thanh toán để làm chứng từ hạch toán chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN (**CV số 4352/TCT-CS ngày 12/12/2013**).

4. **Xác định kỳ tính thuế đầu tiên được ưu đãi thuế:** Trường hợp Công ty nếu đáp ứng điều kiện thực tế để được hưởng ưu đãi thuế TNDN mà kỳ tính thuế đầu tiên có thu nhập chịu thuế nhưng thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ dưới 12 tháng thì có quyền đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn thuế, giảm thuế ngay kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc tính từ kỳ tính thuế tiếp theo. Công ty chỉ được phép khai bổ sung hồ sơ khai thuế để đăng ký lại thời gian miễn thuế, giảm thuế tính từ kỳ tính thuế tiếp theo trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Căn cứ vào hồ sơ khai bổ sung, điều chỉnh người nộp thuế nộp số tiền thuế tăng thêm hoặc nộp lại số tiền thuế đã được hoàn, đồng thời tự xác định số tiền phạt chậm nộp căn cứ vào số tiền thuế chậm nộp hoặc số tiền thuế đã được hoàn, số ngày chậm nộp và mức xử phạt theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý thuế, Điều 12 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP và điểm c, khoản 5, điều 9 Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011. (**Công văn số 4045/TCT-CS ngày 26/11/2013**)

5. **Chính sách thuế đối với các khoản chi cho người lao động:** Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các khoản chi mua thực phẩm, điện, nước và các chi phí khác phục vụ nấu ăn ca hoặc mua suất ăn ca cho người lao động trong giờ (ca) làm việc của người lao động và được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động nếu có đầy đủ hóa đơn và chứng từ thanh toán theo quy định. Các khoản chi này được tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

6. **Hạch toán chênh lệch tỷ giá:** Khoản chênh lệch tỷ giá khi thay đổi đơn vị tiền tệ quy định tại Thông tư số 55/2002/TT-BTC phát sinh trước ngày Thông tư số 244/2009/TT-BTC có hiệu lực thì hành không được hạch toán vào kết quả kinh doanh mà phải phân loại coi như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu và chỉ được xử lý khi thanh lý doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 55/2002/TT-BTC ngày 26/6/2002 của Bộ Tài chính. (**CV số 3934/TCT-CS ngày 20/11/2013**)

7. **Về xây dựng nhà ở miễn phí cho người lao động (kể cả tiền điện, nước sử dụng cho nhà ở miễn phí):** Trường hợp hàng hóa, dịch vụ hình thành TSCĐ của doanh nghiệp là nhà ở miễn phí trong khu vực sản xuất kinh doanh thì



được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Các khoản chi khấu hao nhà ở, tiền điện, nước sử dụng cho nhà ở được tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

**(CV số 3802/TCT-CS ngày 12/11/2013)**

8. **Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến:** Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội (được xác định căn cứ theo quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ) thì được gia hạn nộp thuế GTGT và TNDN đối với số thuế phát sinh phải nộp trong các lĩnh vực trên theo quy định tại Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 8/2/2013 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc xác định các hoạt động kinh doanh của Công ty có thuộc ngành nghề, lĩnh vực được gia hạn hay không thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành. Do đó, doanh nghiệp cần liên hệ với Cục thống kê địa phương là cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xác định mã ngành để được hướng dẫn và xác định cụ thể **(CV số 3637/TCT-CS ngày 31/10/2013)**.

9. **Thuế TNDN đối với doanh nghiệp KH&CN:** trường hợp nếu Công ty chưa được hưởng ưu đãi theo điều kiện doanh nghiệp KH&CN trước khi được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN thì đề nghị Cục Thuế kiểm tra tình hình thực tế của Công ty và điều kiện đáp ứng tỷ lệ doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trên tổng doanh thu của Công ty qua các năm để áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo quy định.

Thời điểm bắt đầu được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế TNDN là năm đầu tiên doanh nghiệp KH&CN có doanh thu từ hoạt động KH&CN (tính từ thời điểm Công ty được công nhận là doanh nghiệp KH&CN).

Thời điểm hưởng ưu đãi về thời gian miễn giảm thuế được xác định kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp KH&CN có thu nhập chịu thuế (tính từ thời điểm Công ty được công nhận là doanh nghiệp KH&CN).

Trường hợp Công ty đã hoặc đang được hưởng ưu đãi theo các điều kiện ưu đãi khác ngoài điều kiện ưu đãi về doanh nghiệp KH&CN (nếu có) thì thời gian ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện doanh nghiệp KH&CN phải trừ đi thời gian đã hoặc đang được hưởng theo điều kiện ưu đãi khác (bao gồm cả thời gian áp dụng thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế).

Nếu năm nào Công ty không đạt điều kiện về tỷ lệ doanh thu thì không được miễn, giảm thuế và phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông hiện hành đồng thời vẫn tính vào số năm ưu đãi thuế TNDN.

Để được hưởng ưu đãi thuế TNDN, Công ty phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai. Công ty phải hạch toán riêng phần thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế TNDN và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác không được ưu đãi thuế TNDN **(CV số 3591/TCT-CS ngày 29/10/2013)**.

10. **Ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động xã hội hóa:** Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới hợp pháp theo Luật Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường (thu gom, vận chuyển) rác thải; xử lý rác thải; xử lý chất thải rắn nguy hại; xử lý nước thải sinh hoạt tập trung) nếu thực tế đáp ứng đủ các điều kiện theo từng loại hình quy định tại Mục V Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường thuộc Danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về lĩnh vực xã hội hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ thì được hưởng ưu đãi đối với điều kiện doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hóa.

Trường hợp doanh nghiệp được thành lập do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc do chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu thì không đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện doanh nghiệp mới thành lập.

Để được hưởng ưu đãi thuế TNDN, doanh nghiệp phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định và đăng ký, nộp thuế TNDN theo kê khai đồng thời Công ty hạch toán riêng phần thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế TNDN để làm cơ sở tính ưu đãi thuế TNDN theo quy định. Thu nhập từ hoạt động khác của doanh nghiệp không phải thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định thì không được áp dụng ưu đãi thuế TNDN **(CV số 3330/TCT-CS ngày 09/10/2013)**.

11. **Gia hạn nộp thuế theo Nghị quyết số 02/NQ-CP:** Trường hợp doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về lao động và doanh thu thì được gia hạn nhưng số thuế TNDN được gia hạn không bao gồm số thuế tính trên phần thu nhập từ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh nghiệp vừa có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được gia hạn nộp thuế vừa có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được gia hạn nộp thuế thì phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh được gia hạn nộp thuế và hoạt động kinh doanh không được gia hạn nộp thuế để kê khai nộp thuế riêng **(CV số 3317/TCT-CS ngày 08/10/2013)**.

12. **Kê khai, nộp thuế TNDN:** Phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ mà doanh nghiệp không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích phải thu hồi được tính là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp. Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu hồi (bao gồm cả phần lãi phát sinh) được xác định là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp khác **(CV số 2918/TCT-CS ngày 06/9/2013)**.

13. **Chi phí khấu hao TSCĐ:** Trường hợp Công ty chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh tài sản cố định nhập góp vốn thuộc quyền sở hữu của Công ty theo quy định của pháp luật thì Công ty chưa được trích khấu hao đối với tài sản này vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (**CV số 2894/TCT-CS ngày 04/09/2013**).
14. **Áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp 20% đối với tổ chức tài chính vi mô:** Ngày 27/9/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 135/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tài chính vi mô.
- Theo đó, đối tượng áp dụng chính sách này là Tổ chức tài chính vi mô được Ngân hàng nhà nước cấp phép thành lập trước ngày 01/01/2014 theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 nhưng không đủ điều kiện được áp dụng các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập có được từ việc thực hiện hoạt động tài chính vi mô. Từ ngày 01/01/2016, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này chuyển sang mức 17%.
- Đối với phần thu nhập có được từ việc thực hiện hoạt động tài chính vi mô được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.
- Thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định được tính liên tục từ năm đầu tiên kể từ khi tổ chức tài chính vi mô có thu nhập chịu thuế từ thực hiện hoạt động tài chính vi mô. Trường hợp tổ chức tài chính vi mô không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ thực hiện hoạt động tài chính vi mô thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.
- Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/11/2013.
15. **Thuế TNDN đối với hoạt động đóng tàu:** Trường hợp doanh nghiệp thực hiện các hợp đồng đóng tàu cho khách hàng kéo dài trong nhiều năm, hàng năm doanh nghiệp ghi nhận doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ trên hoá đơn xuất cho khách hàng và xác định chi phí hợp lý được trừ tương ứng với doanh thu tính thuế. Kết thúc hợp đồng, doanh nghiệp phải tính toán điều chỉnh, xác định chính xác số thuế TNDN phải nộp dựa trên các hoá đơn, chứng từ thực tế đã phát sinh và theo đúng quy định (**CV số 2850/TCT-CS ngày 30/8/2013**).
16. **Chính sách thuế TNDN:** Thuế TNDN và việc sử dụng hóa đơn lẻ đối với tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã quy định cụ thể đơn vị sự nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TNDN sau khi đã thực hiện ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN (nếu có) mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không hạch toán và xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (**CV số 2396/TCT-CS ngày 29/07/2013**).
17. **Chi phí hợp lý đối với lãi vay:** Trường hợp doanh nghiệp có chi trả lãi tiền vay nếu khoản chi này có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, khoản chi trả lãi tiền vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không thuộc trường hợp khoản chi trả lãi tiền vay dùng để góp vốn điều lệ, chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu và không vượt mức khống chế theo quy định; Doanh nghiệp đi vay có giải trình và chứng minh cho cơ quan thuế về số tiền mặt tồn quỹ, số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm vay đã có kế hoạch thực hiện ngay trong thời gian sắp tới thì cơ quan thuế kiểm tra nếu đúng như doanh nghiệp giải trình thì:
- + Chi trả lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư được tính vào giá trị công trình đầu tư.
  - + Chi trả lãi tiền vay phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (**CV số 2389/TCT-CS ngày 26/07/2013**).
18. **Chứng từ mua vàng bạc của người dân:** Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc nếu mua vàng, bạc, đá quý của cá nhân không kinh doanh, không có hóa đơn thì doanh nghiệp sử dụng Bảng kê hàng hóa mua vào theo mẫu số 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung Bảng kê đã lập.
- Doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, đá quý khi bán ra thì phải lập hóa đơn theo đúng quy định (**CV số 2290/TCT-CS ngày 17/07/2013**).
19. **Tiền thù lao trả cho người đại diện từ các công ty con, liên kết:** Trường hợp Tổng công ty nhận được khoản tiền thù lao trả cho người đại diện từ các công ty con, liên kết, Tổng công ty hạch toán khoản tiền nhận được này vào thu nhập khác để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp; trường hợp Tổng công ty chi trả tiền phụ cấp cho người đại diện theo quy định và hạch toán vào chi phí khác thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản 1, Điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC (**CV số 2147/TCT-TNCN ngày 02/07/2013**).

**THUẾ TNCN**

1. **Xác định ngày đến, ngày đi của cá nhân cư trú:** Ngày đến và ngày đi của cá nhân có mặt tại Việt Nam được xác định căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu hoặc giấy thông hành của cá nhân đó khi đến và khi rời Việt Nam, trong đó ngày đến được tính là 01 (một) ngày cư trú và ngày đi được tính là 01 (một) ngày cư trú. Trong trường hợp ngày đến và ngày rời Việt Nam trong cùng một ngày thì được tính chung là 01 (một) ngày cư trú (**CV số 4703/TCT-TNCN ngày 31/12/2013**).
2. **Khấu trừ thuế TNCN:** Cá nhân có thu nhập từ đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số và bán hàng đa cấp có thu nhập từ 9tr.đ/tháng (trước kia là 4tr.đ/tháng) trở lên thì bị khấu trừ theo biểu thuế lũy tiến từng phần, các cá nhân này có thu nhập đến 9tr.đ/tháng chưa khấu trừ thuế TNCN, thu nhập trên 9tr.đ/tháng mới phải khấu trừ theo cách tính lũy tiến từng phần. Đến kỳ quyết toán nếu cá nhân có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa thì được hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ kê khai thuế tiếp theo (**CV số 4683/TCT-TNCN ngày 31/12/2013**).
3. **Thuế TNCN đối với hoạt động cho thuê nhà:** Trường hợp vợ chồng đồng sở hữu tài sản cho thuê theo quy định của pháp luật, hợp đồng cho thuê có kỳ hạn thuê là 5 năm và kỳ hạn thanh toán là một năm thì nghĩa vụ thuế TNCN được xác định như sau:  

Trường hợp người nộp thuế được xác định là vợ hoặc chồng (một cá nhân) thì cá nhân đó thực hiện khai thuế TNCN; Trường hợp người nộp thuế được xác định là cả vợ và chồng (hai cá nhân) thì từng cá nhân phải thực hiện khai thuế TNCN riêng theo hướng dẫn nêu trên.

Trường hợp cá nhân lựa chọn khai thuế theo quý thì doanh thu khai thuế trong quý là doanh thu phát sinh trong quý theo thời hạn thuê trên hợp đồng và tính giảm trừ gia cảnh theo thực tế phát sinh của từng quý; Trường hợp cá nhân lựa chọn khai thuế theo từng hợp đồng phát sinh thì thực hiện khai thuế TNCN một năm một lần và được tính giảm trừ gia cảnh của một năm theo thực tế phát sinh tại thời điểm khai thuế.

Trường hợp cá nhân có yêu cầu quyết toán để xác định số thuế TNCN phải nộp theo thực tế phát sinh thì thực hiện các thủ tục quyết toán thuế TNCN theo quy định hiện hành (**CV số 4514/TCT-TNCN ngày 20/12/2013**).
4. **Thuế TNCN đối với các chuyên gia nước ngoài cư trú tại Việt Nam:** Người nước ngoài đến Việt Nam từ giữa năm và ở Việt Nam trên 183 ngày trong năm đó thì được xác định là cá nhân cư trú, có trách nhiệm khai thuế TNCN tại Việt Nam đối với thu nhập toàn cầu. Do kỳ tính thuế là theo năm và thuộc đối tượng khai thu nhập toàn cầu nên cá nhân phải khai thu nhập cho cả thời gian không có mặt tại Việt Nam trong năm tính thuế đó. Trường hợp cá nhân nước ngoài rời Việt Nam trước 31/12 thì cá nhân chỉ phải khai thu nhập toàn cầu tại Việt Nam từ 01/01 cho đến tháng rời Việt Nam. Cá nhân được tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân và người phụ thuộc từ 01/01 đến tháng rời Việt Nam.  

Trường hợp cá nhân đã nộp thuế TNCN tại nước ngoài theo Luật nước ngoài và phù hợp với Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào thuế Việt Nam tương đương với số tiền thuế đã nộp tại nước ngoài nhưng không vượt quá số thuế tính theo luật Việt Nam (**CV số 4496/TCT-TNCN ngày 16/12/2013**).
5. **Thuế TNCN đối với học phí trả cho con của lao động nước ngoài:** Đối với khoản tiền học phí trả cho con của người nước ngoài học tại Việt Nam theo bậc học phổ thông do đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ nếu có chứng từ nộp tiền học phí và hợp đồng lao động có quy định việc đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ tiền học phí cho con của người lao động là người nước ngoài học tại Việt Nam cũng như chứng từ thanh toán qua ngân hàng từ tài khoản của đơn vị chi trả thu nhập thì không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân đối với khoản học phí này (**CV số 4494/TCT-TNCN ngày 19/12/2013**).
6. **Thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản:** Đối với trường hợp người sử dụng đất do nhận chuyển nhượng trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thì chỉ thu một (01) lần thuế thu nhập cá nhân của lần chuyển nhượng cuối cùng, các lần chuyển nhượng trước đó không thực hiện truy thu thuế. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, cá nhân chuyển nhượng bất động sản có hợp đồng công chứng hoặc không có hợp đồng chỉ có giấy tờ viết tay đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân cho từng lần chuyển nhượng (**CV số 4451/TCT-TNCN ngày 18/12/2013**).
7. **Thuế TNCN đối với quyền sử dụng đất đưa vào hoạt động của doanh nghiệp tư nhân:** Trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng sau đó cá nhân, hộ gia đình mang tài sản sử dụng vào hoạt động của doanh nghiệp tư nhân do cá nhân làm chủ (cá nhân là thành viên của hộ gia đình) thì thuộc trường hợp được miễn thuế thu nhập cá nhân và không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật (**CV số 4223/TCT-CS ngày 05/12/2013**).
8. **Giảm thuế thu nhập cá nhân cho người làm việc ở khu kinh tế cửa khẩu**

Ngày 26/11/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg về quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu.

Theo đó, người Việt Nam và người nước ngoài trực tiếp làm việc, sản xuất kinh doanh tại khu kinh tế cửa khẩu, có thu nhập từ việc làm, sản xuất kinh doanh tại khu kinh tế cửa khẩu thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật được giảm 50% số thuế phải nộp.

Nhà đầu tư có nhu cầu sử dụng đất trong khu kinh tế cửa khẩu làm mặt bằng sản xuất kinh doanh mà lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách Nhà nước đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư và giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp đối với các dự án đầu tư còn lại.

Quyết định cũng dành nhiều ưu đãi về thuế giá trị gia tăng đối với khu kinh tế cửa khẩu. Cụ thể, các đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng gồm: hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài. Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu; hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu.

Hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, trừ những trường hợp như hàng hóa, dịch vụ không được áp dụng thuế giá trị gia tăng 0% theo quy định

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2014; bãi bỏ Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009, Quyết định số 93/2009/QĐ-TTg ngày 10/7/2009.

9. **Xác định tình trạng cư trú của người nước ngoài:** Trường hợp cá nhân nước ngoài làm việc tại Việt Nam, năm trước được xác định là cá nhân cư trú và thực hiện quyết toán thuế theo biểu lũy tiến từng phần. Năm sau cá nhân này về nước sớm hơn dự định nên số ngày có mặt tại Việt Nam chưa đủ 183 ngày nhưng lại có thể tạm trú đến hết năm tính thuế mới hết hạn và có hợp đồng thuê nhà tại Việt Nam từ 90 ngày trở lên. Khi đó, nếu cá nhân chứng minh được là đối tượng cư trú của một nước khác thì là đối tượng không cư trú tại Việt Nam. Trường hợp cá nhân không chứng minh được là đối tượng cư trú của nước khác thì là đối tượng cư trú tại Việt Nam. **(Công văn số 4038/TCT-TNCN ngày 26/11/2013)**
10. **Thuế TNCN đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng:** Trường hợp cá nhân có nhà cho thuê phát sinh thu nhập từ khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do người đi thuê nhà vi phạm hợp đồng thì cá nhân có thu nhập phải khai khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng để tính thuế TNCN từ hoạt động cho thuê nhà. **(CV số 3955/TCT-TNCN ngày 22/11/2013)**
11. **Thuế TNCN từ thừa kế là nhà ở, đất ở hình thành trong tương lai:** Trường hợp cá nhân nhận tài sản thừa kế là nhà ở, đất ở hình thành trong tương lai trước ngày 01/7/2013, nay nộp hồ sơ kê khai thuế TNCN sau ngày 01/7/2013 áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. **(CV số 3824/TCT-TNCN ngày 13/11/2013)**
12. **Nghĩa vụ thuế khi chuyển quyền sử dụng đất:** Trường hợp bên chuyển nhượng không thực hiện nghĩa vụ thuế, nhưng đã trao toàn bộ giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng, đồng thời việc chuyển nhượng là hợp pháp thì bên nhận chuyển nhượng có quyền đề nghị được thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho bên chuyển nhượng nếu tài sản này không phát sinh tranh chấp. Trên cơ sở xem xét hợp đồng chuyển nhượng và các chứng từ kèm theo cơ quan thuế chấp thuận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện thủ tục nộp ngân sách theo quy định **(CV số 3649/TCT-TNCN ngày 31/10/2013)**.
13. **Thuế TNCN đối với thành viên kiêm nhiệm:** Khoản thù lao mà doanh nghiệp khác trả cho người đại diện được nộp về đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu, khi đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu thực hiện chi trả thù lao cho người đại diện, thì thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành **(CV số 3619/TCT-TNCN ngày 30/10/2013)**.
14. **Thuế TNCN đối với công tác phí:** Trường hợp người lao động đi công tác nước ngoài, được Văn phòng đại diện thanh toán khoản chi công tác phí, nếu các khoản thanh toán nằm trong định mức chi công tác phí của VPĐD và chứng minh được đó là chi phí phát sinh của chuyến công tác nước ngoài phục vụ hoạt động của VPĐD thì không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Nếu khoản thanh toán công tác phí vượt quá định mức chi công tác phí của VPĐD quy định thì phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động phần thanh toán vượt định mức quy định **(CV số 3594/TCT-TNCN ngày 29/10/2013)**
15. **Giấy ủy quyền trong giao dịch với cơ quan thuế:** Trường hợp cá nhân ủy quyền cho các tổ chức, cá nhân khác thực hiện các giao dịch với cơ quan thuế không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.  
Riêng trường hợp người nước ngoài ủy quyền có hoàn thuế vào tài khoản của cá nhân khác - không phải của người nộp thuế, bắt buộc Giấy ủy quyền phải có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật **(CV số 3593/TCT-TNCN ngày 29/10/2013)**.
16. **Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế TNCN:** Ngày 15/8/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 111/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

Theo đó, các khoản thu nhập được miễn thuế TNCN theo quy định mới gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; bố vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau; Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp người chuyển nhượng chỉ có duy nhất một nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam...

Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; thu nhập từ lãi trái phiếu Chính phủ; Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường chưa chế biến thành sản phẩm khác; Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật Lao động; Thu nhập từ học bổng...cũng được miễn thuế TNCN.

Mức giảm trừ gia cảnh được quy định cụ thể đối với người nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng, 108 triệu đồng/năm; đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng.

Đối với người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam được tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân từ tháng 01 hoặc từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam trong năm tính thuế (được tính đủ theo tháng).

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2013; bãi bỏ hướng dẫn về thuế TNCN tại các Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008; 10/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009, 42/2009/TT-BTC ngày 09/3/2009, 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009, 161/2009/TT-BTC ngày 12/8/2009, 164/2009/TT-BTC ngày 13/8/2009, 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010, 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011, 78/2011/TT-BTC ngày 08/6/2011, 113/2011/TT-BTC ngày 04/8/2011.

17. **Nộp hồ sơ chứng minh người phụ thuộc:** Đối tượng nộp thuế chỉ phải nộp hồ sơ chứng minh cho một người phụ thuộc một lần trong suốt thời gian được tính giảm trừ kể cả trường hợp đối tượng nộp thuế thay đổi nơi làm việc, thay đổi nơi kinh doanh.

Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế tại các đơn vị, trong trường hợp cá nhân chuyển nơi làm việc mới mà đơn vị cũ không phối hợp hồ trợ, không xác nhận lên bản chụp (photo) hồ sơ chứng minh người phụ thuộc thì cá nhân đăng ký lại mẫu số 16/ĐK-TNCN kèm hồ sơ chứng minh người phụ thuộc gửi cho đơn vị làm việc mới để được giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc theo quy định (**CV số 2713/TCT-TNCN ngày 19/08/2013**).

18. **Thuế TNCN đối với tiền ăn ca:** Tiền ăn ca không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động nếu người sử dụng lao động trực tiếp tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động.

Trường hợp, đơn vị chi trả thu nhập không trực tiếp tổ chức bữa ăn ca mà chi tiền ăn ca trực tiếp cho người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động nếu mức chi phù hợp với hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường hợp chi cao hơn mức hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thì phần chi vượt mức phải tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động (**CV số 2503/TCT-TNCN ngày 06/8/2013**).

19. **Xác định thuế TNCN đối với thu nhập từ thừa kế:** Nếu số vốn cổ phần đứng tên chồng có căn cứ xác nhận là tài sản chung của hai vợ chồng thì khi người chồng mất đi, việc xác định phần vốn đứng tên người chồng thuộc sở hữu của người vợ sẽ thực hiện theo thỏa thuận giữa hai vợ chồng, theo di chúc hoặc theo quyết định của Tòa án. Theo đó, nếu phần vốn đứng tên chồng thuộc sở hữu của người vợ theo quy định của pháp luật thì khi chuyển sang tên người vợ không phải là khoản thu nhập từ thừa kế nên không chịu thuế thu nhập cá nhân. Phần vốn đứng tên chồng thuộc sở hữu của người chồng khi chuyển sang tên cho vợ hoặc cho các hàng thừa kế theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật là khoản thu nhập từ thừa kế chịu thuế thu nhập cá nhân.

Nếu số vốn cổ phần đứng tên chồng có căn cứ xác định là tài sản riêng của người chồng thì khi người chồng chết đi, phần vốn cổ phần chuyển sang tên vợ là tài sản người vợ nhận được từ thừa kế của chồng. Người vợ sẽ thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ thừa kế theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân (**CV số 2493/TCT-TNCN ngày 5/08/2013**).

20. **Chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ hợp đồng dịch vụ:** Trường hợp cá nhân có ký hợp đồng lao động dài hạn với Công ty, đồng thời trong năm cá nhân có ký hợp đồng dịch vụ (làm ngoài giờ hành chính) với chính Công ty này thì thu nhập hợp đồng dịch vụ thuộc diện khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 10% (nếu có MST) hoặc 20% (nếu không có MST), không cộng vào thu nhập từ tiền lương tiền công trong tháng để tính theo biểu thuế lũy tiến từng phần. Cuối năm cá nhân có thể ủy quyền quyết toán thuế tại Công ty nếu thuộc diện quyết toán theo quy định (**CV số 2427/TCT-TNCN ngày 30/7/2013**).

21. **Triển khai thực hiện các quy định có hiệu lực từ 01/7/2013 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN:** Ngày 08/07/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 8817/BTC-TCT hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN.

Đáng chú ý trong đó là nội dung hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN cho người không ký hợp đồng lao động, hoặc hợp đồng dưới 3 tháng như sau:

Áp dụng mức khấu trừ thống nhất là 10% cho cả 2 đối tượng trên.

Thu nhập phải khấu trừ thuế: từ 2 triệu đồng/lần trả thu nhập (trước đây là 1 triệu đồng, theo quy định tại Thông tư 113/2011/TT-BTC)

Ngoài ra, Công văn cũng nhắc đến việc bổ sung các trường hợp chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở duy nhất: phải sở hữu trên 183 ngày mới được miễn thuế khi chuyển nhượng; không miễn thuế đối với tài sản hình thành trong tương lai.

Tổ chức, cá nhân thực hiện quy định trên ngay từ bây giờ, cho đến khi có Thông tư hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành (**CV số 8817/BTC-TCT ngày 08/07/2013**).

22. **Kê khai nộp thuế TNCN:** Trường hợp cá nhân cư trú tại Việt Nam có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả tại Việt Nam và trả từ nước ngoài thì Công ty Việt Nam trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ thuế khi trả thu nhập cho cá nhân và khai nộp thuế theo mẫu số 02/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC; cá nhân trực tiếp khai thuế với thu nhập được trả từ nước ngoài theo mẫu số 07/KK-TNCN theo tháng. Cuối năm cá nhân quyết toán thuế và được trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài (**CV số 2146/TCT-TNCN ngày 02/07/2013**).
23. **Thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thù lao người đại diện Tổng công ty:** Trường hợp theo Quy chế tài chính Tổng công ty yêu cầu các công ty con liên kết chuyển trả các khoản thù lao của người đại diện Tổng công ty cho Tổng công ty để Tổng công ty trả cho người đại diện thì các công ty con, liên kết không phải khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của người đại diện. Khi Tổng công ty trả tiền thù lao cho người đại diện phải thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định (**CV số 2147/TCT-TNCN ngày 02/07/2013**).

## THUẾ NHÀ THẦU

1. **Tỷ giá tính thuế GTGT, TNDN của nhà thầu nước ngoài:** Nếu Nhà thầu nước ngoài được phép hạch toán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi doanh thu tính thuế GTGT, thuế TNDN của Nhà thầu từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố; Nếu Nhà thầu nước ngoài thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng là đồng Việt Nam thì doanh thu tính thuế GTGT, thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài được xác định theo giá trị bằng đồng Việt Nam trên hoá đơn Nhà thầu nước ngoài lập cho Chủ đầu tư (**CV số 2908/TCT-CS ngày 05/9/2013**).
2. **Xử lý số tiền chậm nộp đối với thuế của Nhà thầu nước ngoài nộp bổ sung:** trường hợp đơn vị nộp thiếu tiền thuế do khai sai số thuế phải nộp của kỳ kê khai trước, nhưng sau đó người nộp thuế đã phát hiện ra sai sót và tự giác thực hiện khai điều chỉnh bổ sung và nộp số thuế còn thiếu vào Ngân sách nhà nước trước thời điểm nhận được quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thuộc các hành vi vi phạm bị xử phạt chậm nộp tiền thuế theo quy định (**CV số 2938/TCT-CS ngày 09/09/2013**).
3. **Chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài:** Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam trước thời điểm Thông tư số 60/2012/TT-BTC có hiệu lực thì hành thì doanh thu tính thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nếu xuất trình được chứng từ chứng minh Nhà thầu nước ngoài đã trực tiếp nộp thuế với cơ quan thuế đối với phần giá trị hợp đồng Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện (**CV số 2865/TCT-CS ngày 03/09/2013**).
4. **Chính sách thuế đối với dự án ODA:** Để Nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam được miễn thuế TNDN theo Hiệp định đối với thu nhập có được từ việc thực hiện dự án tại Việt Nam và chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA được miễn thuế TNCN thì Ban Quản lý dự án phải gửi cơ quan thuế đầy đủ Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định và hồ sơ đề nghị miễn thuế TNCN cho chuyên gia nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC (**CV số 2743/TCT-CS ngày 21/08/2013**).
5. **Thuế nhà thầu nước ngoài và thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN:** Thời điểm xác định doanh thu hoạt động vận tải hàng không để tính thuế TNDN là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ. Trường hợp thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN được tính theo thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ (**CV số 2729/TCT-DNL ngày 20/08/2013**).
6. **Thuế nhà thầu đối với thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu, lãi chứng chỉ tiền gửi:** Thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu, lãi chứng chỉ tiền gửi nhận được trước ngày 1/3/2012 quy định tại Điều khoản phát hành áp dụng tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu tính thuế là 10% theo quy định tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC; Thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu, lãi chứng chỉ tiền gửi nhận được kể từ ngày 1/3/2012 theo quy định tại Điều khoản phát hành áp dụng tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu tính thuế là 5% theo hướng dẫn tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC
7. **Thuế đối với khoản thu nhập từ việc cung cấp dịch vụ quản lý của nhà thầu nước ngoài:** Trường hợp Nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ việc cung cấp dịch vụ quản lý khách sạn theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý khách sạn ký với Bên Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC và Thông tư số 60/2012/TT-BTC nêu trên thì việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN đối với việc cung cấp dịch vụ quản lý khách sạn của nhà thầu nước ngoài thực hiện như sau:

+ Đối với những khoản thu nhập phát sinh trước ngày 1/3/2012 theo quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý khách sạn: tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 5% (dù thời điểm thanh toán sau ngày 1/3/2012) theo quy định tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC nêu trên.

+ Đối với những khoản thu nhập phát sinh từ ngày 1/3/2012 theo quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý khách sạn: tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 10% theo hướng dẫn tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC nêu trên (**CV số 2596/TCT-CS ngày 12/08/2013**).

## THUẾ KHÁC, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

1. **Lệ phí trước bạ đối với đất sử dụng vào mục đích công đồng:** Trường hợp nhà, đất sử dụng làm nhà thờ họ, nhà thờ phái của một dòng họ, hộ gia đình, cá nhân không phải là tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động sử dụng đất vào mục đích cộng đồng thì thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ (***CV số 4563/TCT-CS ngày 23/12/2013***).
2. **Miễn giảm quyền thuê đất:** Đối với các dự án được nhà nước cho thuê đất trước ngày Nghị định số 142/2005/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư nhưng chưa được hưởng ưu đãi do chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật mà sau ngày Nghị định số 142/2005/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nhà đầu tư mới làm thủ tục xin miễn giảm tiền thuê đất thì cơ quan thuế căn cứ hồ sơ thực hiện như sau:  
  
Trường hợp dự án thuộc diện được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP thì được áp dụng mức miễn, giảm cao hơn theo nguyên tắc so sánh giữa mức quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP và Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 121/2010/NĐ-CP (nêu trên) và mức quy định tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư cho thời gian miễn giảm còn lại; Thời gian miễn, giảm còn lại được tính từ ngày Nghị định số 142/2005/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Cơ quan thuế ban hành quyết định miễn giảm tiền thuê đất theo đúng thẩm quyền cho thời gian miễn giảm còn lại;  
  
Trường hợp dự án không thuộc diện miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP mà thời gian được ưu đãi theo mức ghi trên Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư vẫn còn (tính đến ngày nộp hồ sơ xin miễn giảm) thì tiếp tục được hưởng ưu đãi theo mức ghi trên Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp cho khoảng thời gian còn lại tính từ ngày nộp hồ sơ xin miễn giảm; Trường hợp thời gian miễn giảm theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư đã hết thì phải nộp tiền thuê đất theo quy định hiện hành (***CV số 4313/TCT-CS ngày 10/12/2013***).
3. **Hoàn trả lệ phí trước bạ và thuế TNCN:** Trường hợp, nếu người mua và người bán đã ký hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất (có công chứng) đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, nhưng người nhận chuyển nhượng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sở hữu đất do đó hai bên đã thực hiện thủ tục hủy hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật thì được hoàn lại số tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ đã nộp khi hợp đồng bị hủy thì không phát sinh hoạt động chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.  
  
(***CV số 3707/TCT-CS ngày 04/11/2013***)
4. **Thuế bảo vệ môi trường:** Các sản phẩm như màng PE, cuộn PE do không phải là túi ni lông và không thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường theo quy định. (***CV số 3703/TCT-CS ngày 04/11/2013***)
5. **Miễn giảm tiền thuê đất:** đối tượng được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp năm 2013, năm 2014 là các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm từ trước ngày 31/12/2010, sử dụng đất đúng mục đích, từ năm 2011 thuộc diện phải điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ và số tiền thuê đất phát sinh năm 2013, năm 2014 tăng hơn 02 lần so với số tiền thuê đất phát sinh năm 2010 (***CV số 3646/TCT-CS ngày 31/10/2013***).
6. **Thuế môn bài đối với đại lý bảo hiểm, xổ số:** Trường hợp cá nhân đủ điều kiện, có quyền thành lập hộ kinh doanh và có nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc diện nộp thuế môn bài theo quy định.  
  
Đối với cá nhân ký hợp đồng làm đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số chưa đủ điều kiện thành lập hộ kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì không thuộc diện nộp thuế môn bài (***CV số 3602/TCT-CS ngày 29/10/2013***).
7. **Miễn, giảm tiền thuê đất:** Tổ chức kinh tế thuê đất của nhà nước thuộc diện giảm tiền thuê đất theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ thì hồ sơ là văn bản đề nghị giảm tiền thuê đất gửi tới cơ quan quản lý thuế trực tiếp để làm thủ tục xét giảm. Nội dung văn bản đề nghị giảm tiền thuê đất phải có đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở đề nghị của tổ chức được nhà nước cho thuê đất, cơ quan quản lý thuế trực tiếp về tiền thuê đất kiểm tra hồ sơ và gửi cơ quan thuế có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục giảm tiền thuê đất theo quy định (***CV số 3581/TCT-CS ngày 29/10/2013***).
8. **Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng:** Trường hợp người được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền đã ứng trước vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã phê duyệt còn lại được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (***CV số 3545/TCT-CS ngày 25/10/2013***).
9. **Gia hạn thời gian kê khai tổng hợp thuế SDDPNN năm 2012:** Trường hợp người nộp thuế có nhiều thửa đất và thuộc đối tượng phải kê khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thì chậm nhất là ngày ba mươi một tháng

3 (31/3) của năm dương lịch tiếp theo người nộp thuế phải lập tờ khai tổng hợp và gửi Chi cục Thuế nơi người nộp thuế lựa chọn kê khai tổng hợp (**CV số 3447/TCT-CS ngày 17/10/2013**).

10. **Bổ sung quy định lệ phí trước bạ với ô tô biển số nước ngoài:** Ngày 14/10/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 140/2013/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

Theo đó, đối với các loại xe ô tô biển số ngoại giao, biển số nước ngoài và biển số quốc tế của các tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định số 45/2011/NĐ-CP chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam (không thuộc đối tượng quy định Khoản 2, Điều 4 Nghị định 45/2011/NĐ-CP) thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng làm thủ tục kê khai, nộp thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng theo quy định và nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu (từ 10% - 15%) theo quy định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đối với các loại xe ô tô biển số nước ngoài mà chủ xe là người nước ngoài (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 45/2011/NĐ-CP) khi đăng ký quyền sở hữu, sử dụng chủ tài sản đã kê khai và nộp lệ phí trước bạ theo mức thu lần đầu. Nay người nước ngoài chuyển nhượng lại tài sản cho các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải kê khai nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, sử dụng theo mức thu 2%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2013.

11. **Thuế BVMT đối với túi ni lông:** - Trường hợp túi ni lông mà người nhập khẩu đã có khai báo về việc nhập khẩu để đóng gói sản phẩm nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết để đóng gói sản phẩm mà đã sử dụng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho (riêng túi ni lông nằm trong tỉ lệ hao hụt đã đăng ký hoặc không đăng ký định mức với cơ quan hải quan như bị rách, thủng, nhàu nát... trong quá trình sản xuất - không phân biệt là sau đó số lượng túi ni lông này được bán, trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho, tiêu hủy thì được xác định là số lượng túi ni lông không được sử dụng hoặc sử dụng không hết) thì người nhập khẩu phải kê khai, nộp thuế BVMT đối với túi ni lông không được sử dụng hoặc sử dụng không hết đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Việc kê khai và nộp thuế BVMT đối với số lượng túi ni lông không được sử dụng hoặc sử dụng không hết nêu trên như sau:

+ Trường hợp túi ni lông được nhập khẩu theo loại hình nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu hoặc gia công để xuất khẩu: người nhập khẩu thực hiện kê khai, nộp thuế BVMT đối với số lượng túi ni lông không được sử dụng hoặc sử dụng không hết nêu trên tại cơ quan hải quan. Thời điểm kê khai, nộp thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 và Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 6/12/2010 của Bộ Tài chính.

+ Trường hợp túi ni lông được nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh: người nhập khẩu thực hiện kê khai, nộp thuế BVMT đối với số lượng túi ni lông nhập khẩu không được sử dụng hoặc sử dụng không hết nêu trên tại cơ quan thuế nơi người nhập khẩu có trụ sở chính. Cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đồng thời gửi kèm bản chụp hồ sơ nhập khẩu tới cơ quan thuế nơi người nhập khẩu có trụ sở chính để xử lý theo quy định. Người nhập khẩu thực hiện kê khai, nộp thuế theo tháng theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành (**CV số 11897/BTC-CST ngày 06/9/2013**).

12. **Chính sách khấu trừ tiền bồi thường hỗ trợ vào tiền thuế đất phải nộp:** Việc khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vào tiền thuế đất phải nộp được thực hiện như sau:

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ nhà đầu tư chi trả theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trước thời điểm Nghị định số 197/2004/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì không được trừ vào tiền thuế đất phải nộp.

Đối với số tiền nhà đầu tư đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo phương án được duyệt theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Nghị định số 17/2006/NĐ-CP của Chính phủ thì được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ về đất mà đơn vị chi trả theo phương án đã được phê duyệt vào tiền thuế đất phải nộp; mức được trừ không vượt quá số tiền thuế đất phải nộp và tương đương với diện tích phải nộp tiền thuế đất (**CV số 2897/TCT-CS ngày 04/09/2013**).

13. **Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Trường hợp người nộp thuế (NNT) thuộc đối tượng phải khai tổng hợp nếu trong năm thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phải nộp đủ số thuế phải nộp cho thửa đất chuyển nhượng (nộp lần đầu và nộp theo cách tổng hợp nhiều thửa đất) trước khi làm thủ tục chuyển nhượng. NNT mới (người nhận chuyển nhượng) phải thực hiện khai thuế lần đầu trong thời hạn thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận chuyển nhượng và phải thực hiện khai tổng hợp (nếu thuộc đối tượng) vào ngày 31/3 năm sau đối với thửa đất nhận chuyển nhượng; Số thuế phải nộp được tính trừ đi số thuế người chuyển nhượng đã nộp trong năm đối với thửa đất chuyển nhượng (**CV số 2873/TCT-CS ngày 03/9/2013**).

14. **Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và tiền sử dụng đất:** Đối với các trường hợp thuộc đối tượng được gia hạn nộp tiền SDD theo Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 16/2013/TT-BTC thì chủ đầu tư được phép nộp tiền SDD làm nhiều lần trong thời gian 24 tháng kể từ ngày phải nộp tiền sử dụng đất theo thông báo lần đầu của cơ quan thuế, quá thời hạn này mới bị phạt chậm nộp theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các dự án này nếu cũng được gia hạn nộp tiền SDD theo Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 16/2013/TT-BTC. Trường hợp kết thúc thời gian được gia



hạn theo quy định tại Thông tư số 83/2012/TT-BTC mà vẫn chưa nộp đủ tiền SDD phải nộp và cơ quan thuế đã thông báo số tiền phạt chậm nộp nhưng vẫn trong thời gian được gia hạn theo Thông tư số 16/2013/TT-BTC thì cơ quan thuế phải xác định lại và khi kết thúc thời gian được gia hạn phải thông báo lại số tiền phạt chậm nộp cho NNT (**CV số 2870/TCT-CS ngày 03/09/2013**).

15. **Miễn giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Trường hợp người nộp thuế (NNT) có nhiều thửa đất thì việc miễn, giảm thuế đối với đất ở chỉ được tính cho 1 thửa đất do người nộp thuế đứng tên và lựa chọn; Hạn mức đất ở làm căn cứ xem xét mức miễn giảm là hạn mức đất ở tại địa phương nơi có thửa đất mà NNT đã lựa chọn. Theo đó, ở ví dụ cụ thể do Cục Thuế nêu tại công văn thì Ông A chỉ được miễn thuế 1 thửa đất ở do Ông lựa chọn, thửa đất còn lại Ông A phải nộp thuế theo mức thuế suất áp dụng đối với diện tích đất trong hạn mức (0,03%) (**CV số 2872/TCT-CS ngày 03/9/2013**).

16. **Lệ phí cấp giấy đăng ký phương tiện giao thông:** Ngày 06/9/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 127/2013/TT-BTC về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Theo đó, mức thu lệ phí cấp giấy đăng ký lần đầu kèm theo biển số được áp dụng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau: Đối với ô tô; trừ ô tô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách áp dụng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là 150.000 - 500.000 đồng/lần/xe; đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trở xuống không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách là 2 triệu - 20 triệu đồng/lần/xe; đối với xe máy trị giá từ 15 triệu đồng trở xuống có mức lệ phí là 500.000 - 1 triệu đồng/lần/xe; đối với xe máy trị giá trên 15 triệu đến 40 triệu đồng có mức lệ phí là 1 triệu - 2 triệu đồng/lần/xe; đối với xe máy trị giá trên 40 triệu có mức lệ phí là 2 triệu - 4 triệu đồng/lần/xe.

17. **Các trường hợp được miễn nộp lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông gồm có:** Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống liên hợp quốc; Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự nước ngoài, thành viên các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan ngoại vụ địa phương được Bộ Ngoại giao uỷ quyền cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; Tổ chức, cá nhân nước ngoài khác.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2013 và Thông tư số 212/2010/TT-BTC ngày 21/12/2010.

18. **Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Trường hợp người nộp thuế (chủ hộ) thuộc diện được giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và hộ gia đình đó có thêm một thành viên là con dâu hoặc con rể thuộc đối tượng được giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định (có tên trong hộ khẩu thường trú của gia đình) thì hộ gia đình đó được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (**CV số 2384/TCT-CS ngày 26/07/2013**)

19. **Miễn giảm tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ cho hộ nghèo:** Việc xác định miễn, giảm tiền sử dụng đất được tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà đất được thực hiện theo "cơ chế một cửa" về cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở. Vì vậy, hộ gia đình tại thời điểm kê khai thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất không cung cấp giấy tờ xác nhận hộ nghèo cho cơ quan đăng ký nhà đất xem xét, chuyển sang cơ quan thuế, nên cơ quan thuế không có căn cứ thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ; Nếu hộ gia đình chưa được cấp Giấy chứng nhận thực hiện bổ sung thêm giấy tờ chứng minh thuộc diện hộ nghèo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhà đất xem xét, chuyển cho cơ quan thuế thì được xác định lại nghĩa vụ tài chính, số tiền được miễn, giảm, số tiền nộp thừa để thực hiện hoàn trả theo quy định.

Nếu hộ gia đình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bổ sung thêm giấy tờ chứng minh thuộc diện hộ nghèo thì cơ quan thuế không có căn cứ để xác định lại nghĩa vụ tài chính theo trình tự thủ tục quy định nêu trên (**CV số 2385/TCT-CS ngày 26/07/2013**).

## QUẢN LÝ THUẾ

1. **Phạt gấp 03 lần số tiền phí, lệ phí gian lận:** Ngày 05/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 186/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

Theo đó, phạt tiền từ 01 đến 03 lần số tiền phí, lệ phí gian lận, trốn nộp đối với hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định. Mức phạt tiền tối đa là 50 triệu đồng.

Đối với hành vi thu phí, lệ phí không đúng mức phí, lệ phí theo quy định của pháp luật, tùy vào số tiền vi phạm sẽ bị phạt mức tiền tương ứng, mức phạt cao nhất là từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 300 triệu đồng trở lên.

Ngoài ra, phạt tiền từ 02 - 06 triệu đồng đối với tổ chức không niêm yết hoặc không công khai chế độ thu phí, lệ phí tại địa điểm thu, nộp phí, lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp dễ nhận biết và tổ chức có hành vi niêm yết hoặc thông báo không đúng; không rõ ràng gây nhầm lẫn cho người nộp phí, lệ phí. Mức phạt tiền cũng được áp dụng đối với các tổ chức khai không đúng, không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai thu, nộp phí, lệ phí hay trong tài liệu kế toán để cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định hoặc không lập chứng từ khi thu phí, lệ phí, trừ trường hợp thu phí, lệ phí theo quy định không phải lập chứng từ... Riêng đối với

các hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí, phạt tiền từ 01 - 03 lần số tiền phí, lệ phí gian lận hoặc trốn nộp. Mức phạt tiền tối đa là 50 triệu đồng đối với cá nhân và 100 triệu đồng đối với tổ chức.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2014; thay thế Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004.

2. [5 trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt không thể thu hồi](#): Ngày 02/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện xoá nợ tiền thuế, tiền phạt không có khả năng thu hồi phát sinh trước ngày 01/7/2007.

Theo đó, các đối tượng thuộc diện sẽ được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt không có khả năng thu hồi phát sinh trước ngày 1/7/2007 bao gồm: (1) Hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn, không thanh toán được số tiền thuế nợ, đã ngừng kinh doanh; (2) Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, đã có quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền; (3) Doanh nghiệp Nhà nước hoàn thành cổ phần hóa theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP, Nghị định số 64/2002/NĐ-CP, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành lập công ty cổ phần và khoản tiền thuế, tiền phạt để nghị xóa nợ chưa được giảm vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa hoặc khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần; (4) Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện giao, bán theo Nghị định số 103/1999/NĐ-CP, Nghị định số 80/2005/NĐ-CP đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp và khoản tiền thuế, tiền phạt để nghị xóa nợ không được tính vào giá trị doanh nghiệp để giao, bán; (5) Doanh nghiệp Nhà nước được xác định theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11.

Tiền thuế, tiền phạt được xóa bao gồm: Thuế môn bài, thuế doanh thu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhà đất, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền phạt chậm nộp và tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế...

Thông tư quy định, quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền phạt được thông báo công khai tại UBND xã, phường, thị trấn đã xác nhận tại danh sách đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt đối với hộ gia đình, cá nhân và được đăng công khai trên website của cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị xóa nợ đối với các trường hợp còn lại.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/01/2014.

3. [Hướng dẫn Luật quản lý thuế về xử phạt vi phạm hành chính về thuế](#):

Ngày 15/11/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 166/2013/TT-BTC về việc quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Theo đó, mức phạt tiền 700.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ khai thuế ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế trên bảng kê hóa đơn, hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra hoặc trên các tài liệu khác liên quan đến nghĩa vụ thuế; phạt tiền 1.050.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ khai thuế ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế trên hóa đơn, chứng từ khác liên quan đến nghĩa vụ thuế; phạt tiền 1.400.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ khai thuế ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế... Mức phạt có thể giảm hoặc tăng nếu có các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định, hàng hoá vận chuyển trên đường không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp thì sẽ bị phạt tiền bằng 1 đến 3 lần số thuế trốn, số thuế gian lận, tùy theo số lần tái phạm và số tình tiết giảm nhẹ.

Người nộp thuế đang trong thời gian xin tạm ngừng kinh doanh nhưng thực tế vẫn kinh doanh cũng thuộc trường hợp bị phạt tiền 1 lần trên số thuế trốn, gian lận, nếu có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên.

Ngoài ra, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế với mức phạt tiền từ 03 triệu đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa, tai nạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo có quyền đề nghị miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế. Mức miễn, giảm tiền phạt tối đa bằng số tiền phạt còn lại trong quyết định xử phạt và không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại hoặc chi phí khám, chữa bệnh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2014 và thay thế Thông tư số 61/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007.

4. [Hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế](#)

Ngày 06/11/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 156/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Theo đó, người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp có quyền đề nghị miễn tiền chậm nộp tiền thuế trong trường hợp gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo hoặc các trường hợp bất khả kháng khác. Trong đó, danh mục về bệnh hiểm nghèo thực hiện theo quy định của pháp luật và mức miễn tiền chậm nộp tối đa không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại do các nguyên nhân chậm nộp tiền thuế hoặc chi phí khám, chữa bệnh trong trường hợp cá nhân bị bệnh hiểm nghèo. Hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp bao gồm: Văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp của người nộp thuế (với các nội dung chính như: Tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế; căn cứ đề nghị xử lý miễn tiền chậm nộp; số tiền chậm nộp đề nghị miễn); xác nhận đã khám chữa bệnh trên sổ y

bạ của cơ sở khám chữa bệnh được thành lập theo quy định của pháp luật; chi phí khám, chữa bệnh có đầy đủ chứng từ theo quy định; hồ sơ thanh toán chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm...

Bộ Tài chính cũng có hướng dẫn mới về kê khai thuế, trong trường hợp đã nộp hồ sơ quyết toán thuế năm mà phát hiện sai sót thì người nộp thuế chỉ cần nộp bổ sung quyết toán thuế năm, không phải nộp tờ khai các tháng có sai sót; Trường hợp người nộp thuế tự phát hiện sai sót sau khi có kết luận thanh tra, kiểm tra về thuế và sai sót này thuộc thời kỳ, phạm vi thanh tra, kiểm tra thì sẽ bị xử lý như trường hợp cơ quan thuế tự phát hiện.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/12/2013 và thay thế Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011.

5. **Tính tiền chậm nộp từ ngày 01/7/2013:** Đối với khoản tiền thuế nợ phát sinh từ ngày 01/7/2013 thì tiền chậm nộp được tính như sau:

0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày thứ 90 (chín mươi);

0,07% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp kể từ ngày chậm nộp thứ 91 (chín mươi một) trở đi.

Ví dụ: Người nộp thuế A nợ thuế GTGT 100 triệu đồng, có hạn nộp là ngày 22/7/2013 (do ngày 20/7/2013 là ngày nghỉ). Người nộp thuế nộp 100 triệu đồng vào ngày 31/10/2013, số ngày chậm nộp được tính từ ngày 23/7/2013 đến ngày 31/10/2013. Số tiền chậm nộp của người nộp thuế A là 5,27 triệu đồng, trong đó:

Từ ngày 23/7/2013 đến 20/10/2013 số ngày chậm nộp là 90 ngày:  $100 \text{ triệu đồng} \times 0,05\% \times 90 \text{ ngày} = 4,5 \text{ triệu đồng}$ .

Từ ngày 21/10/2013 đến ngày 31/10/2013 số ngày chậm nộp là 11 ngày:  $100 \text{ triệu đồng} \times 0,07\% \times 11 \text{ ngày} = 0,77 \text{ triệu đồng}$ .

Đối với khoản tiền thuế nợ phát sinh trước ngày 01/7/2013 nhưng sau ngày 01/7/2013 vẫn chưa nộp thì tính như sau: trước ngày 01/7/2013 tính phạt chậm nộp theo quy định tại Luật Quản lý thuế, từ ngày 01/7/2013 tính tiền chậm nộp theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

Ví dụ: Người nộp thuế B nợ 100 triệu đồng tiền thuế TNDN thuộc tờ khai quyết toán thuế năm 2012, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 01/4/2013 (do ngày 31/3/2013 là ngày nghỉ). Ngày 04/10/2013 người nộp thuế nộp số tiền thuế này vào ngân sách nhà nước, số ngày chậm nộp được tính từ ngày 02/4/2013 đến ngày 04/10/2013.

Trước ngày 01/7/2013 tiền phạt chậm nộp được tính như sau: từ ngày 02/4/2013 đến ngày 30/6/2013, số ngày chậm nộp là 90 ngày:  $100 \text{ triệu} \times 0,05\% \times 90 \text{ ngày} = 4,5 \text{ triệu đồng}$ .

Từ ngày 01/7/2013 trở đi tiền chậm nộp được tính như sau: số ngày chậm nộp là 96 ngày, cụ thể:

Từ ngày 01/7/2013 đến ngày 28/9/2013, số ngày chậm nộp là 90 ngày:  $100 \text{ triệu} \times 0,05\% \times 90 \text{ ngày} = 4,5 \text{ triệu đồng}$ ;

Từ ngày 29/9/2013 đến ngày 04/10/2013, số ngày chậm nộp là 06 ngày:  $100 \text{ triệu đồng} \times 0,07\% \times 06 \text{ ngày} = 0,42 \text{ triệu đồng}$ .

Số tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp người nộp thuế B phải nộp là:  $4,5 \text{ triệu đồng} + 4,5 \text{ triệu đồng} + 0,42 \text{ triệu đồng} = 9,42 \text{ triệu đồng}$  (**CV số 4216/TCT-QLN ngày 05/12/2013**).

6. **Các trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt bao gồm:**

Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tiền, tài sản để nộp tiền thuế.

Cá nhân được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không còn tài sản để nộp tiền thuế.

Các khoản nợ tiền thuế không thuộc trường hợp nêu tại điểm a và b Khoản 1 Điều này, đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Khoản nợ tiền thuế đã quá 10 (mười) năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế;

+ Cơ quan thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định nhưng không thu đủ tiền thuế (**CV số 4214/TCT-QLN ngày 05/12/2013**).

## XUẤT- NHẬP KHẨU

1. **Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan:**

Ngày 12/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 190/2013/TT-BTC về việc quy định chi tiết thi hành Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Theo đó, cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính có thể được xét miễn giảm phí thi hành cưỡng chế khi có khó khăn về kinh tế (cá nhân có thu nhập không đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu để sinh sống bình thường

hoặc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn); thuộc diện gia đình chính sách, có công với cách mạng hoặc thuộc diện người neo đơn, tàn tật, ốm đau kéo dài.

Trường hợp cá nhân bị cưỡng chế đã chấp hành được một phần chi phí cưỡng chế nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, thì được xét giảm số tiền chi phí cưỡng chế còn lại. Đối với các trường hợp còn lại, mức giảm bằng 50% số tiền chi phí cưỡng chế phải nộp.

Đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan mà chậm nộp tiền phạt so với thời hạn thi hành quyết định xử phạt, ngoài việc phải nộp đủ số tiền phạt thì cứ mỗi ngày chậm nộp phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05%/ngày tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/01/2014, bãi bỏ Thông tư số 193/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009.

## 2. Cấm nhập khẩu ô tô cũ đã qua sử dụng 05 năm

Ngày 20/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài.

Theo đó, ô tô các loại đã qua sử dụng chỉ được nhập khẩu nếu đảm bảo điều kiện: loại đã qua sử dụng không quá 05 năm, tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. Căn cứ vào yêu cầu quản lý từng thời kỳ, Bộ Công thương quy định việc nhập khẩu ô tô chở người từ 09 chỗ trở xuống.

Bên cạnh đó, ngoài các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định hiện hành như hàng tiêu dùng đã qua sử dụng; mô tô, xe gắn máy đã qua sử dụng..., cá nhân, tổ chức không được phép nhập khẩu các mặt hàng sau: Các loại ô tô và bộ linh kiện lắp ráp ô tô, mô tô, xe máy chuyên dùng, xe gắn máy bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ; đèn trời; tem bưu chính thuộc diện cấm kinh doanh, trao đổi, trưng bày, tuyên truyền theo quy định của Luật Bưu chính; thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện không phù hợp với các quy hoạch tần số vô tuyến điện và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan; thuốc bảo vệ thực vật bị cấm sử dụng tại Việt Nam...

Trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu với những thị trường nhất định hoặc những mặt hàng nhất định. Quyết định này phải được công bố công khai để các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài biết.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2014, thay thế Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006.

## 3. Giảm thuế xuất khẩu mặt hàng cao su

Ngày 11/11/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 157/2013/TT-BTC về việc sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu mặt hàng cao su thuộc nhóm 40.01, 40.02, 40.05 quy định tại biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012

Theo đó, thuế xuất khẩu mặt hàng mủ cao su tự nhiên, đã hoặc chưa tiền lưu hóa và mặt hàng crep từ mủ cao su thuộc nhóm cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa két, nhựa cây cúc cao su, nhựa cây họ sacolasea và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải (mã 40.01) được giảm từ 3% xuống còn 1%.

Thuế xuất khẩu mặt hàng cao su tổng hợp thuộc nhóm cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải (mã 40.02) được giảm từ 5% còn 1%.

Mặt hàng cao su hỗn hợp, chưa lưu hóa, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải (mã 40.05) cũng được giảm thuế suất từ 3% còn 1%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/12/2013.

## 4. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế

Ngày 25/10/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 148/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19/7/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, ngoài người nhập cảnh thì các đối tượng vẫn tiếp tục được mua hàng miễn thuế gồm: Người xuất cảnh, quá cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế cửa khẩu xuất cảnh, hoặc trên tàu bay; người chờ xuất cảnh mua hàng miễn thuế tại các cửa hàng miễn thuế trong nội thành; cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội thành; đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định; thuyền viên làm việc trên tàu biển vận tải quốc tế.

Người mua hàng miễn thuế khi mua hàng phải xuất trình, cung cấp những thông tin được quy định cho nhân viên bán hàng; đặc biệt, không được cho người khác sử dụng hộ chiếu, tiêu chuẩn miễn thuế của mình. Với phần vượt

quá định mức được miễn thuế theo quy định tại Nghị định 66/2002/NĐ-CP năm 2002 của Chính phủ, người mua hàng miễn thuế phải kê khai, nộp thuế với cơ quan Hải quan. Tiền mặt thu được bán hàng miễn thuế chịu sự giám sát của Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 08/12/2013 và bãi bỏ Thông tư số 120/2009/TT-BTC ngày 16/6/2009.

5. **Vi phạm quy định về khai thuế, bị phạt 20% số tiền thuế:** Ngày 16/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 129/2013/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Theo đó, người nộp thuế có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn thì bị xử phạt 10% số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn cao hơn so với quy định của pháp luật về thuế nếu người nộp thuế tự phát hiện và khai bổ sung hồ sơ khai thuế quá 60 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhưng trước khi cơ quan hải quan kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế và bị xử phạt 20% số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn cao hơn so với quy định của pháp luật về thuế đối với một trong các hành vi vi phạm như khai sai về đối tượng không chịu thuế; khai tăng định mức sản xuất sản phẩm gia công; định mức sản xuất sản phẩm xuất khẩu từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu so với thực tế sử dụng; các hành vi không khai hoặc khai sai khác làm thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn...

Mức phạt tiền tối đa 200 triệu đồng đối với tổ chức có hành vi vi phạm thủ tục thuế; mức phạt tiền đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế và khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn lần lượt bằng từ 01 - 03 lần số tiền thuế trốn, gian lận.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2013 và bãi bỏ các Nghị định: số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18/02/2009.

6. **Tăng mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan:** Ngày 15/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 127/2013/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Theo đó, mức phạt tiền 20 - 40 triệu đồng đối với tổ chức có hành vi khai khống về tên hàng, số lượng, trọng lượng hàng hóa (trừ hàng hóa là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu không phù hợp với nguyên liệu đã nhập khẩu...)(quy định hiện hành là 05 - 20 triệu đồng).

Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi đánh tráo hàng hóa đã kiểm tra hải quan với hàng hóa chưa kiểm tra hải quan là 20 - 60 triệu đồng và hành vi tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa được giao bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan là 20 - 40 triệu đồng.

Đối với hành vi tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan và thuộc diện cấm xuất, nhập khẩu; tạm ngừng xuất, nhập khẩu hoặc không đủ điều kiện để xuất, nhập khẩu hoặc thuộc trường hợp phải có giấy phép mà không có giấy phép khi xuất, nhập khẩu; hàng hóa là hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép; hàng hóa thuộc danh mục cấm kinh doanh tạm nhập - tái xuất..., mức phạt tiền là từ 40 - 60 triệu đồng.

7. **Thủ tục hải quan mới đối với xăng dầu xuất - nhập khẩu:** Ngày 09/10/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 139/2013/TT-BTC về việc quy định thủ tục hải quan đối với xăng dầu xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu; nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu xăng dầu.

Theo đó, sau khi hoàn thành việc bơm xăng dầu nhập khẩu, công chức hải quan không phải thực hiện niêm phong kho mà giao chủ hàng chịu trách nhiệm trước PL giữ nguyên trạng xăng dầu.

Đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế, nếu phát hiện lô hàng có dấu hiệu vi phạm thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế lô hàng.

Thời hạn nộp thuế xăng dầu chuyển tiêu thụ nội địa trong trường hợp không tái xuất hoặc tái xuất không hết được thay đổi lại là tại thời điểm đăng ký tờ khai chuyển tiêu thụ nội địa.

Về thời hạn nộp thuế đối với xăng dầu tạm nhập tái xuất, trường hợp chưa nộp thuế, nếu được tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh số tiền thuế phải nộp và đáp ứng điều kiện quy định thì được áp dụng thời hạn nộp thuế theo thời hạn bảo lãnh nhưng tối đa không quá mười lăm ngày, kể từ ngày hết thời hạn tạm nhập tái xuất (không áp dụng cho thời gian gia hạn thời hạn tạm nhập tái xuất) và không phải nộp tiền chậm nộp trong thời hạn bảo lãnh. Trường hợp tái xuất ngoài thời hạn bảo lãnh thì phải nộp tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn bảo lãnh đến ngày tái xuất hoặc đến ngày thực nộp thuế (nếu ngày thực nộp thuế trước ngày thực tái xuất). Trường hợp đã được áp dụng thời hạn nộp thuế theo thời hạn bảo lãnh nhưng chuyển tiêu thụ nội địa thì phải nộp đủ các loại thuế, tính lại thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa chuyển tiêu thụ nội địa và phải tính tiền chậm nộp từ thời điểm hoàn thành thủ tục hải quan tạm nhập hàng hóa đến ngày thực nộp thuế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2013; bãi bỏ Thông tư số 165/2010/TT-BTC ngày 26/10/2010, Thông tư số 126/2011/TT-BTC ngày 07/9/2011.

8. **Tăng thời hạn hưởng chế độ ưu tiên về hải quan:** Ngày 24/9/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 133/2013/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện.

Theo đó, thời hạn doanh nghiệp được hưởng chế độ ưu tiên lần đầu là 36 tháng.

Trước đó, Thông tư số 86/2013/TT-BTC quy định thời hạn này là 24 tháng. Sau thời hạn 3 năm, Tổng cục Hải quan thực hiện đánh giá lại, nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng các điều kiện quy định thì được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/09/2013.

9. **Ân hạn thuế nhập khẩu:** Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được áp dụng thời hạn nộp thuế tối đa là 275 ngày có điều kiện. Trong trường hợp không đáp ứng các điều kiện theo quy định nhưng được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp thì thời hạn nộp thuế theo thời hạn bảo lãnh, nhưng không quá 275 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan và không phải nộp tiền chậm nộp trong thời hạn bảo lãnh. Trường hợp không đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc không được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp thì phải nộp thuế trước khi được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa (*CV số 5059/TCHQ-TXNK ngày 27/08/2013*).

### KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

1. **Hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hóa:** Ngày 17/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo đó, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện tái cơ cấu để chuyển thành công ty cổ phần là các doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Phương án tái cơ cấu được thực hiện trên nguyên tắc đồng thuận giữa cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tái cơ cấu, doanh nghiệp tái cơ cấu với Công ty Mua bán nợ hoặc các chủ nợ tham gia tái cơ cấu (lập biên bản thỏa thuận giữa các bên). Công ty Mua bán nợ được quyền chủ động đàm phán mua nợ với các chủ nợ và đề xuất phương án tái cơ cấu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty Mua bán nợ chỉ quyết định mua nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sau khi đã thỏa thuận, thống nhất với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tái cơ cấu/cổ phần hóa và có kết quả đàm phán mua nợ với các chủ nợ của doanh nghiệp tái cơ cấu. Việc mua nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp phải đảm bảo có tính khả thi, có khả năng thu hồi vốn hiệu quả và đủ nguồn chênh lệch giữa giá vốn mua nợ với giá trị sổ sách khoản nợ để xử lý tài chính, tái cơ cấu doanh nghiệp theo quy định.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 10/02/2014.

2. **Công khai tài chính đối với doanh nghiệp Nhà nước:** Ngày 20/11/2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 171/2013/TT-BTC hướng dẫn công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy chế Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Thông tư nêu rõ, đối với việc công khai thông tin tài chính trên cổng thông tin điện tử, ngày công khai thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công khai thông tin.

Đối với việc công khai bằng hình thức fax hoặc gửi dữ liệu điện tử, ngày công khai thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo).

Đối với việc công khai bằng hình thức gửi báo cáo bằng văn bản, ngày công khai thông tin là ngày chủ sở hữu nhận được thông tin công khai bằng văn bản.

Ngôn ngữ thực hiện công khai thông tin về tài chính của các doanh nghiệp phải là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định công khai thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công khai thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.

Các đối tượng công khai thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công khai theo quy định của pháp luật.

Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công khai thông tin tài chính bị phạt 5-10 triệu đồng nếu công khai thông tin tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định hoặc công khai thông tin tài chính chậm từ 1 tháng đến 3 tháng theo thời hạn quy định.

Nếu thực hiện việc công khai thông tin tài chính chậm quá 3 tháng theo thời hạn quy định hoặc thông tin, số liệu công khai thông tin tài chính sai sự thật, tổ chức, cá nhân sẽ bị phạt 20 - 30 triệu đồng.

Cùng với đó, Bộ Tài chính cũng hướng dẫn cụ thể nội dung, hình thức và nội dung công khai thông tin của doanh nghiệp, của chủ sở hữu cũng như của cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực từ 5-1-2014 và thay thế Thông tư số 29/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước.

3. **Chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần:** Ngày 20/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 189/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo quy định tại Nghị định số 189/2013/NĐ-CP, doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước khi chuyển thành công ty cổ phần phải xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp đối với những diện tích đất đã được giao, đã nộp tiền sử dụng đất cho ngân sách Nhà nước hoặc diện tích đất đã nhận chuyển nhượng để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để bán và xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê. Trong đó, giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là giá đất sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất có mục đích sử dụng tương tự thực tế trên thị trường do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đã được giao thì phải nộp thêm khoản tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo mục đích chuyển đổi.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu để lựa chọn tổ chức tư vấn định giá trị doanh nghiệp trong danh sách do Bộ Tài chính công bố đối với các gói thầu có giá trị không quá 03 tỷ đồng; trường hợp xét thấy cần phải tổ chức đấu thầu thì thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật. Đối với các gói thầu có tư vấn định giá có giá trị hơn 03 tỷ đồng, cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện tư vấn định giá theo quy định.

Ngoài ra, doanh nghiệp cổ phần hóa cũng được điều chỉnh giá trị doanh nghiệp đã công bố khi có những nguyên nhân khách quan làm ảnh hưởng đến giá trị những tài sản của doanh nghiệp hoặc sau 18 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp mà doanh nghiệp chưa thực hiện việc bán cổ phần (theo quy định cũ là 12 tháng), ngoại trừ các trường hợp đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định số 189/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2014.

4. **Thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:**

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Theo đó, việc thành lập công ty TNHH một thành viên chỉ được xem xét khi đáp ứng đủ 4 điều kiện: Một là, thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được xem xét thành lập công ty TNHH một thành viên. Hai là, đảm bảo đủ vốn điều lệ quy định. Ba là, có Hồ sơ hợp lệ và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bốn là, phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế

Công ty TNHH một thành viên được thành lập công ty con là Công ty TNHH một thành viên để phát triển, nắm giữ các bí quyết kinh doanh, công nghệ phục vụ trực tiếp các nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh chính của công ty mẹ.

Công ty TNHH một thành viên khi thành lập phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn 100 tỷ đồng. Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định thì ngoài điều kiện quy định nêu trên, vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên khi thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó. Đối với công ty TNHH một thành viên hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn đặc thù hoặc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì vốn điều lệ có thể thấp hơn mức quy định nêu trên, nếu có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định cũng quy định năm trường hợp giải thể công ty TNHH một thành viên, gồm: Thứ nhất, kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn. Thứ hai, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thứ ba, kinh doanh thua lỗ 3 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại công ty trở lên, nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản. Thứ tư, không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 2 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết. Thứ năm, việc tiếp tục duy trì công ty là không cần thiết.

Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Việc giải thể công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp giải thể chưa được quy định tại Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nghị định số 172/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014

5. **Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập:** Ngày 16/9/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 105/2013/NĐ-CP về việc xử phạt VPHC trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Theo đó, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực kế toán đối với cá nhân là 30 triệu đồng, đối với tổ chức là 60 triệu đồng; trong lĩnh vực kiểm toán độc lập đối với cá nhân là 50 triệu đồng, đối với tổ chức là 100 triệu đồng.

Cụ thể, với hành vi giả mạo, khai man chứng từ kế toán sẽ bị phạt tiền từ 20-30 triệu đồng. Mức phạt này cũng áp dụng với một trong các hành vi: Mở sổ kế toán ngoài hệ thống sổ kế toán chính thức của đơn vị; giả mạo sổ kế

toán; thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo sổ kế toán; cố ý để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị hoặc tài sản có liên quan đến đơn vị; hủy bỏ trước hạn hoặc cố ý làm hư hỏng sổ kế toán.

Lập chứng từ kế toán không đủ số liên theo quy định của mỗi loại chứng từ kế toán; ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký; ký chứng từ kế toán mà không có thẩm quyền ký hoặc không được ủy quyền ký thì sẽ bị phạt tiền từ 5-10 triệu đồng.

Phạt tiền từ 500.000-1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Lập chứng từ kế toán không đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật về kế toán; tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán.

Trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, đối với đơn vị được kiểm toán không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, kịp thời về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị phạt tiền từ 10-20 triệu đồng.

Phạt tiền từ 20-30 triệu đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm: Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và tổ chức kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán; đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán; che giấu hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán; cản trở công việc và có hành vi hạn chế phạm vi cuộc kiểm toán.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 1/12/2013.

## LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

1. **Mở rộng đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp:** Ngày 16/11/2013, Quốc hội đã thông qua Luật số 38/2013/QH13 về việc làm.

Theo đó, người lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi: (1) làm việc theo hợp đồng hoặc hợp đồng lao động làm việc không xác định thời hạn; (2) làm việc theo hợp đồng hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn; (3) làm việc theo hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn đủ từ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Trong trường hợp người lao động giao kết hoặc đang thực hiện nhiều hợp đồng lao động thì người lao động và người sử dụng lao động của hợp đồng lao động giao kết đầu tiên có trách nhiệm tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực.

Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp là 2%, trong đó, người lao động đóng 1% và người sử dụng lao động đóng 1%.

Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp khi không thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng theo quy định trừ trường hợp ốm đau, thai sản, tai nạn có giấy xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015, thay thế các quy định về bảo hiểm thất nghiệp của Luật số 71/2006/QH11 về Bảo hiểm xã hội.

2. **Xử lý hợp đồng lao động bị vô hiệu toàn bộ:** Ngày 25/10/2013, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 30/2013/TT-BLĐTBXH về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 44/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động.

Theo đó, khi hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do công việc bị pháp luật cấm mà người sử dụng lao động không giao kết được hợp đồng lao động mới với người lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm trả cho người lao động một khoản tiền do 02 bên thỏa thuận nhưng ít nhất cứ mỗi năm làm việc bằng 01 tháng lương tối thiểu vùng áp dụng đối với địa bàn nơi người sử dụng lao động đặt cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc đơn vị, chi nhánh mà người lao động làm việc.

Trường hợp người lao động đã có thời gian làm việc cho người sử dụng lao động theo các hợp đồng lao động khác trước đó từ đủ 12 tháng trở lên mà chưa được chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, thì ngoài khoản tiền được chi trả nêu trên, người lao động còn được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật đối với thời gian người lao động đã làm việc cho người sử dụng lao động theo các hợp đồng lao động trước đó.

Đối với các hợp đồng lao động bị tuyên vô hiệu có tiền lương thấp hơn quy định thì hai bên phải thỏa thuận lại và người sử dụng lao động phải hoàn trả phần lương chênh lệch cho người lao động.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2013 và thay thế Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003; Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH ngày 26/5/2009.

3. **Lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc, ký quỹ tối đa 3000 USD:** Ngày 10/10/2013, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 21/2013/TT-BLĐTBXH về việc quy định mức trần tiền ký quỹ và thị trường lao động mà Doanh nghiệp dịch vụ được thỏa thuận ký quỹ với người lao động.



Theo đó, mức trần tiền ký quỹ doanh nghiệp được thoả thuận ký quỹ với người lao động giao động từ 300 – 3000 USD. Mức trần ký quỹ đối với lao động Việt Nam tại thị trường Nhật Bản hoặc Hàn Quốc là 3000 USD, các nước khu vực Trung Đông là 800 USD, một số nước Đông Nam Á như Lào, Thái Lan, Malaysia... mức trần ký quỹ là 300 USD.

Tại các quốc gia Châu Âu như Australia và Newzeland, Ý, Phần Lan, Thụy Điển, Anh, Đức, Đan Mạch...và các nước Châu Mỹ mức trần ký quỹ là 2000 USD; các nước khác như Liên bang Nga, Belarusia, Rumania.. thì mức trần là 1000 USD.

Đối với các nước không có trong danh mục ban hành kèm theo thông tư này, mức trần tiền ký quỹ tương đương với 01 lượt vé máy bay từ nơi làm việc về Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2013.

4. **Nguyên tắc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể:** Ngày Ngày 27/09/2013, Bộ Y tế - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp.

Theo đó, việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể phải tuân theo các nguyên tắc như: Tổng tỷ lệ % tổn thương cơ thể của 01 người không được vượt quá 100%; mỗi tổn thương cơ thể chỉ được tính tỷ lệ % tổn thương cơ thể 01 lần; chỉ lấy giới hạn trên của tỷ lệ % tổn thương cơ thể cao nhất 01 lần, từ tổn thương cơ thể thứ hai trở đi, lấy giới hạn dưới của tỷ lệ % tổn thương cơ thể để tính, theo trình tự từ tỷ lệ % tổn thương cơ thể cao nhất đến tỷ lệ % tổn thương cơ thể thấp nhất... Trường hợp cơ thể được xác định có 01 tổn thương thì tỷ lệ % tổn thương cơ thể là giới hạn cao nhất của tỷ lệ % tổn thương cơ thể đó.

Các tổn thương cơ thể do bệnh nghề nghiệp, tùy theo loại tổn thương mà thời gian đảm bảo dao động từ 07 ngày đến suốt đời, cụ thể, bảo đảm 15 ngày với tổn thương viêm dạ dày, tá tràng từ 21 - 25%; 30 ngày đối với các tổn thương động mạch vành, rối loạn nhịp tim dạng nhịp nhanh, rối loạn thị giác...; bảo đảm lần lượt 03 năm và 30 năm đối với các tổn thương dây thần kinh; viêm thận và ung thư gan, phổi, xương sàng; bảo đảm suốt đời đối với trường hợp ung thư phổi ...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2013.

5. **Hỗ trợ học nghề đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp:** Ngày 03/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 55/2013/QĐ-TTg về việc quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Theo đó, đối với người tham gia các khoá học nghề đến 3 tháng, mức hỗ trợ tối đa 3 triệu đồng/người/khoá học; mức hỗ trợ cụ thể được tính theo tháng, tùy theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế.

Đối với người tham gia các khoá học nghề trên 3 tháng, mức hỗ trợ tối đa 600.000 đồng/người/tháng; mức hỗ trợ cụ thể được tính theo tháng, tùy theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế.

Đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tham gia học nghề có mức chi phí học nghề cao hơn mức hỗ trợ học nghề theo quy định nêu trên thì phần vượt quá mức hỗ trợ học nghề do người lao động tự chi trả.

Thời gian được hỗ trợ học nghề phụ thuộc vào thời gian đào tạo nghề của từng nghề và nhu cầu của từng người lao động, nhưng không quá 6 tháng.

Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tham gia học nghề được hỗ trợ kinh phí để học một nghề và một lần, thực hiện thông qua cơ sở dạy nghề; không hỗ trợ bằng tiền trực tiếp cho người lao động để tự học nghề.

Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ học nghề do Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 1/12/2013.

6. **Điều kiện cấp giấy phép cho lao động nước ngoài:** Ngày 05/9/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Theo đó, điều kiện cấp giấy phép lao động đối với người nước ngoài gồm: (1) có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; (2) có sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc; (3) là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật; phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về khám bệnh, chữa bệnh, giáo dục, đào tạo và dạy nghề nếu làm việc trong lĩnh vực trên; (4) không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; (5) được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng người lao động nước ngoài.

Thời hạn của giấy phép lao động được cấp là không quá 2 năm và theo thời hạn của một trong các trường hợp: Thời hạn của hợp đồng lao động dự kiến sẽ ký kết; thời hạn của phía nước ngoài cử người lao động làm việc tại Việt Nam; ...

Chủ tịch UBND cấp tỉnh có văn bản chấp thuận cho từng người sử dụng lao động về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.

Trường hợp cần sử dụng người lao động nước ngoài có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu thì trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của người lao động nước ngoài huy động để thực hiện gói thầu; nghiêm cấm sử dụng người lao động nước ngoài thực hiện các công việc mà người lao động Việt Nam có khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu của gói thầu, đặc biệt là lao động phổ thông, lao động không qua đào tạo kỹ năng nghiệp vụ.

Trước khi tuyển người lao động nước ngoài, nhà thầu có trách nhiệm đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí trên với Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi nhà thầu thực hiện gói thầu. Trong thời hạn tối đa quy định, nếu không giới thiệu hoặc cung ứng người lao động Việt Nam được cho nhà thầu thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2013, bãi bỏ Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 và Nghị định số 46/2001/NĐ-CP ngày 17/6/2011.

7. **Người sử dụng lao động chậm đóng BHXH bị phạt tới 75 triệu đồng:** Ngày 22/8/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2013/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Theo đó, người sử dụng lao động sẽ bị phạt tiền với mức từ 12-15% tổng số tiền phải đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính nhưng tối đa không quá 75 triệu đồng đối với các hành vi: Chậm đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp không đúng mức quy định; đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp không đủ số người thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.

Người sử dụng lao động sẽ phạt tiền với mức từ 18-20% tổng số tiền phải đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính nhưng tối đa không quá 75 triệu đồng nếu không đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp cho toàn bộ người lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.

Ngoài ra, người sử dụng lao động sẽ bị phạt tiền với mức cao nhất là 50 triệu đồng nếu có một trong các hành vi như: Trả lương không đúng hạn theo quy định, trả lương thấp hơn mức quy định tại thang lương, bảng lương đã gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp huyện; trả lương làm thêm giờ, làm việc ban đêm cho người lao động thấp hơn mức quy định; khấu trừ tiền lương của người lao động trái quy định, trả không đủ tiền lương ngừng việc cho người lao động.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định cụ thể các mức phạt về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2013, thay thế Nghị định số 47/2010/NĐ-CP ngày 06/5/2010; Nghị định số 86/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010; Nghị định số 144/2007/NĐ-CP ngày 10/9/2007.

8. **Hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp hàng tháng:** Ngày 21/8/2013, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 13/2013/TT-BLĐTBXH về việc hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ.

Theo đó, mức lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ tháng 7/2013 của các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này được điều chỉnh bằng 1,096 lần so với mức hiện hưởng của tháng 6/2013.

Đối với người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp hàng tháng trước 1/7/2013, mức trợ cấp này từ 1/7/2013 được điều chỉnh tăng thêm 9,52%.

Trường hợp người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp điều trị xong ra viện trong khoảng thời gian từ ngày 1/5/2012 đến 30/6/2013 mà chưa được giải quyết chế độ thì mức trợ cấp trong khoảng thời gian trên vẫn tính theo mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng.

Đối với người đang hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản trước ngày 1/7/2013 thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định mà từ ngày 1/7/2013 trở đi vẫn còn thời hạn hưởng trợ cấp, thì mức trợ cấp của thời gian hưởng còn lại được tính theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/10/2013, các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01/7/2013.

9. **Hướng dẫn triển khai bảo hiểm hưu trí tự nguyện:** Ngày 20/8/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 115/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện.

Theo đó, khi triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện như vốn chủ sở hữu không thấp hơn 1.000 tỷ đồng; biên khả năng thanh toán cao hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam; thiết lập quỹ hưu trí tự nguyện theo quy định; hệ thống công nghệ thông tin theo dõi và quản lý chi tiết từng giao dịch của tài khoản bảo hiểm hưu trí...Doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động thiết kế sản phẩm bảo hiểm hưu trí nhưng phải bao gồm quyền lợi hưu trí định kỳ và quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo quy định.

Ngoài quyền lợi bảo hiểm cơ bản, tùy theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp thêm các quyền lợi bảo hiểm bổ trợ như: Quyền lợi điều chỉnh mức hưởng quyền lợi hưu trí định kỳ; Quyền lợi bảo hiểm thất nghiệp; Quyền lợi chăm sóc y tế; Quyền lợi hỗ trợ nằm viện;... Phương thức đóng phí bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm bổ trợ sẽ do các bên thoả thuận khi giao kết hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không được phép khấu trừ phí bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm bổ trợ từ giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí.

Đại lý bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí phải có chứng chỉ do Bộ Tài chính cấp; không vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp đại lý của doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian hành nghề đại lý và có ít nhất 06 tháng kinh nghiệm hoạt động đại lý bảo hiểm nhân thọ liên tục hoặc 06 tháng làm việc liên tục trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2013.

10. **Hướng dẫn chế độ đối với người lao động trong doanh nghiệp phá sản:** Theo quy định tại Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ thì chính sách đối với người lao động dôi dư chỉ áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu mà chưa giải quyết chính sách lao động dôi dư nay thực hiện sắp xếp lại (cổ phần hóa, giao, bán; chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; chuyển thành đơn vị sự nghiệp; giải thể, phá sản) theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, các doanh nghiệp nhà nước chưa chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu đang làm thủ tục giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định số 91/2010/NĐ-CP nêu trên. Chế độ chính sách đối với người lao động trong trường hợp này được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Phá sản (**CV số 2988/LĐTBXH-LĐTL ngày 12/08/2013**).

11. **Hưởng trợ cấp thất nghiệp và trợ cấp thai sản khi sinh con:** - Người lao động đang đóng bảo hiểm thất nghiệp mà bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc được hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: đã đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ mười hai tháng trở lên trong thời gian hai mươi bốn tháng trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật; đã đăng ký thất nghiệp với cơ quan lao động khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc; chưa tìm được việc làm sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng ký với cơ quan lao động theo quy định.

Người lao động nữ được hưởng chế độ thai sản khi sinh con nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ sáu tháng trở lên trong thời gian mười hai tháng trước khi sinh con (kể cả trường hợp đã nghỉ việc trước thời điểm sinh con).

Như vậy, đối với mỗi chế độ, nếu người lao động đáp ứng đầy đủ các điều kiện thì được hưởng chế độ đó (**CV số 2735/LĐTBXH-BHXH ngày 26/07/2013**).

12. **Tăng lương hưu, trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc:** Ngày 15/7/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2013/NĐ-CP về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc.

Theo đó, tăng thêm 9,6% mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với 07 nhóm đối tượng sau: (1) cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng; (2) cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP đang hưởng lương hưu và trợ cấp hằng tháng; (3) người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định số 613/QĐ-TTg; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng; (4) cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130/CP và Quyết định số 111-HĐBT; (5) quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg; (6) công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; (7) quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2013, các đối tượng trên được điều chỉnh tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/7/2013.

13. **Giải quyết trợ cấp thôi việc đối với người lao động đã nghỉ hưu:** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ Luật lao động năm 2012 thì khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 36 của Bộ luật lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả nợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương. Hiện nay, Bộ luật lao động không phân biệt trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc của người sử dụng lao động đối với người lao động làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên đã hoặc chưa nghỉ hưởng chế độ hưu trí. Vì vậy, đối với người lao động đã nghỉ hưởng chế độ hưu trí mà làm việc từ đủ 12 tháng trở lên theo chế độ hợp đồng lao động, khi chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật thì người sử dụng lao động có trách nhiệm giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho người lao động đúng quy định (**CV 2522/LĐTBXH-LĐTL ngày 11/07/2013**).

14. **Giải quyết trợ cấp thôi việc đối với người lao động đã nghỉ hưu khi chấm dứt hợp đồng lao động:** Theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012 thì khi chấm dứt hợp đồng lao động, người sử dụng lao động có trách

nhệm trả trợ cấp thôi việc đối với người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2012.

Bộ luật Lao động năm 2012 không có quy định phân biệt đối với người lao động đã hoặc chưa nghỉ hưởng chế độ hưu trí. Vì vậy, đối với trường hợp người lao động đã nghỉ hưởng chế độ hưu trí mà làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên theo chế độ hợp đồng lao động, khi chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật thì người sử dụng lao động có trách nhiệm giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc theo đúng quy định (**CV số 2452/LĐTBXH-LĐTL ngày 05/07/2013**).

## NGÂN HÀNG

1. **Mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài:** Ngày 31/12/2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 36/2013/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Theo đó, đối tượng áp dụng là các nhà đầu tư Việt Nam gồm người cư trú là tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng) và cá nhân được thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nhà đầu tư.

Về việc mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, Thông tư quy định sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải mở 01 tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một tổ chức tín dụng được phép và thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố. Mọi giao dịch chuyển ngoại tệ từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài vào Việt Nam liên quan đến dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài phải được thực hiện thông qua tài khoản này. Nhà đầu tư có nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt cho từng dự án. Trường hợp dự án có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt tại cùng một tổ chức tín dụng được phép để chuyển ngoại tệ trong phạm vi giá trị vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Vụ Ngoại hối - Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn cho nhà đầu tư là tổ chức tín dụng. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn cho nhà đầu tư khác không phải là tổ chức tín dụng.

Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển lợi nhuận; chuyển vốn đầu tư về nước sau khi thanh lý, giải thể, giảm quy mô vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp muốn sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để tái đầu tư trực tiếp vào dự án đang đầu tư hoặc đầu tư vào dự án khác, nhà đầu tư phải làm thủ tục điều chỉnh hoặc xin cấp mới Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho dự án đó và thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 14/02/2014, bãi bỏ Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19/01/2001; Thông tư số 04/2005/TT-NHNN ngày 24/8/2005; Điều 11 Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011.

2. **Các giao dịch không được thanh toán bằng tiền mặt:** Ngày 31/12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 222/2013/NĐ-CP về thanh toán bằng tiền mặt.

Theo đó, các tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn nhà nước không thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch, trừ một số trường hợp được phép thanh toán bằng tiền mặt theo quy định của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước.

Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân không thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán cũng như trong các giao dịch chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

Các doanh nghiệp không thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp. Các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng không sử dụng tiền mặt khi vay và cho vay lẫn nhau.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thỏa thuận với khách hàng về kế hoạch rút tiền mặt và việc khách hàng thông báo trước khi rút tiền mặt với số lượng lớn. Các đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước có nhu cầu rút tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước phải thực hiện việc đăng ký theo quy định của Bộ Tài chính.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2014 và thay thế Nghị định số 161/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006.

3. **16 trường hợp được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam:** Ngày 26/12/2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 32/2013/TT-NHNN về việc hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, cơ quan hải quan, công an, bộ đội biên phòng và các cơ quan Nhà nước khác tại các cửa khẩu của Việt Nam và kho ngoại quan được phép niêm yết bằng ngoại tệ và thu bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt từ

người không cư trú đối với các loại thuế, phí thị thực xuất cảnh, phí cung ứng dịch vụ và các loại phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật; người cư trú là tổ chức có tư cách pháp nhân được điều chuyển vốn nội bộ bằng ngoại tệ chuyển khoản giữa tài khoản của tổ chức đó với tài khoản của đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân và ngược lại; người cư trú, người không cư trú là tổ chức được thỏa thuận và trả lương, thưởng, phụ cấp trong hợp đồng bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt cho người không cư trú và người cư trú là người nước ngoài làm việc cho chính tổ chức đó...

Người cư trú là doanh nghiệp chế xuất cũng được phép ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản khi mua hàng hóa từ thị trường nội địa để sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp hàng xuất khẩu hoặc để xuất khẩu, trừ hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu; được báo giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán, nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản với doanh nghiệp chế xuất khác...

Ngoài ra, người cư trú là tổ chức kinh doanh hàng miễn thuế được niêm yết giá hàng hoá bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt từ việc cung cấp hàng hoá. Ngoại tệ sử dụng trong giao dịch tại cửa hàng miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bán hàng miễn thuế.

Người không cư trú là cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự được niêm yết bằng ngoại tệ và thu phí thị thực xuất nhập cảnh, các loại phí, lệ phí khác bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt...

Các trường hợp khác được phép sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/02/2014.

4. **Thủ tục chấp thuận hoạt động xuất, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt:** Ngày 26/12/2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 33/2013/TT-NHNN về việc hướng dẫn thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội cấp Quyết định chấp thuận xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt theo từng lần cho các ngân hàng được phép có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt qua cửa khẩu hàng không quốc tế Nội Bài; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định chấp thuận xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt theo từng lần cho các ngân hàng được phép có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt qua cửa khẩu hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Ngân hàng được phép khi có nhu cầu thực hiện từng lần xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt lập 1 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt theo từng lần gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, 2 cơ quan trên xem xét, chấp thuận việc xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của ngân hàng được phép. Trường hợp không chấp thuận có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt, ngân hàng được phép nộp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội và/hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh bản sao (có chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng được phép hoặc người được ủy quyền hoặc phân công trong nội bộ của ngân hàng được phép ký) các chứng từ liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt bao gồm: điện thanh toán và tờ khai hải quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/2/2014.

5. **04 trường hợp được xem xét cho vay vốn bằng ngoại tệ:** Ngày 06/12/2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 29/2013/TT-NHNN về việc quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú.

Theo đó, từ ngày 01/01/2014 đến hết ngày 31/12/2014, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét quyết định cho vay bằng ngoại tệ đối với các nhu cầu vốn sau: (1) Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay; (2) Cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được Bộ Công Thương giao hạn mức nhập khẩu xăng dầu có nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu xăng dầu khi khách hàng vay không hoặc không có đủ nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay; (3) Cho vay ngắn hạn để đáp ứng các nhu cầu vốn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam mà khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để trả nợ vay... (4) Cho vay để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài đối với các dự án, công trình quan trọng quốc gia được Quốc hội, Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

Ngoài ra, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cũng được xem xét quyết định cho vay bằng ngoại tệ đối với các nhu cầu vốn khác thuộc lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp nhận bằng văn bản. Đồng thời, có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cho vay bằng ngoại tệ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng liền kề báo cáo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2014, thay thế Thông tư số 37/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012.

6. **Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:** Ngày 15/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo đó, điều kiện thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng phải đáp ứng được 04 điều kiện, trong đó phải có đủ mức vốn điều lệ tối thiểu là 30 tỷ đồng do ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật hiện hành, vay vốn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng muốn được Quỹ Bảo lãnh tín dụng xem xét, cấp bảo lãnh, ngoài việc phải đáp ứng một số điều kiện của pháp luật hiện hành như: Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay; tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác, còn phải có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay và có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh.

Quỹ bảo lãnh tín dụng có thể cấp bảo lãnh một phần hoặc bảo lãnh toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp, cầm cố của bên được bảo lãnh tại tổ chức tín dụng với nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại bên nhận bảo lãnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/12/2013 thay thế các Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 và Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25/6/2004.

7. **Được gia hạn nợ tín dụng xuất khẩu đối với cà phê, hạt điều:** Ngày 17/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 133/2013/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 54/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 về bổ sung Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Theo đó, ngoài nhóm hàng xuất khẩu rau quả, thủy sản thì nhóm hàng xuất khẩu cà phê, hạt điều đã qua chế biến cũng được gia hạn thời gian vay vốn tín dụng xuất khẩu lên tối đa 36 tháng với điều kiện doanh nghiệp bị lỗi trong năm 2011 và năm 2012; không cần đổi được nguồn vốn để trả nợ theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/10/2013.

8. **Giảm một số lãi suất cho vay tại ngân hàng chính sách:** Ngày 09/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1826/QĐ-TTg về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Theo đó, Lãi suất cho vay ưu đãi đối với hộ cận nghèo được giảm xuống bằng 120% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ (trước đây tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg là 130%).

Lãi suất cho vay đối với chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được giảm xuống bằng 9,6%/năm, tương đương 0,8%/tháng (quy định trước đây tại văn bản số 436/2008/TTg-KTTH là 10,8%/năm hoặc 0,9%/tháng).

Lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn được giảm xuống bằng 9,6%/năm, tương đương 0,8%/tháng (thay cho quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg là 10,8%/năm hoặc 0,9%/tháng).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khoản vay mới kể từ ngày 09/10/2013.

9. **Áp dụng biện pháp nhận biết khách hàng trong phòng, chống rửa tiền:** Ngày 04/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền.

Theo đó, tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp: Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản thẻ và các loại tài khoản khác; khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp; khi thực hiện chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo; khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền; khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn (là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản thanh toán nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên với tổng giá trị từ 300 triệu đồng trở lên trong một ngày).

Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi có thưởng, casino phải tiến hành các biện pháp nhận biết khách hàng đối với khách hàng có giao dịch tài chính với tổng giá trị từ 60 triệu đồng trở lên trong một ngày. Tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý và đá quý phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng có giao dịch bằng tiền mặt mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên trong một ngày.

Thông tin nhận biết khách hàng là cá nhân người Việt Nam gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại.

Đối với khách hàng là cá nhân người nước ngoài, cần nhận biết qua các thông tin: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2013 và thay thế Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07/6/2005.

10. **Hướng dẫn đăng ký khoản vay nước ngoài:** Ngày 24/9/2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 22/2013/TT-NHNN về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

Theo đó, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thư bảo lãnh được ký và trước khi thực hiện rút vốn khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, bên đi vay gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) 1 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước sẽ gửi bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc phát hành trái phiếu quốc tế. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước sẽ có văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được nêu tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký các khoản vay này, bên đi vay có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định.

Trong hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, bên đi vay phải có văn bản giải trình rõ về nội dung thay đổi này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2013, bãi bỏ quy định tại Mục I, II, III, IV Chương III của Thông tư số 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/2004.

11. **Cho vay tái cấp vốn trên trái phiếu đặc biệt của Công ty quản lý tài sản:** Ngày 09/9/2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 20/2013/TT-NHNN về việc quy định về cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước xem xét và quyết định tái cấp vốn khi tổ chức tín dụng đáp ứng đủ các điều kiện: 1- Là tổ chức tín dụng theo quy định, không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt; 2- Sở hữu hợp pháp trái phiếu đặc biệt chưa được Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam thanh toán; 3- Trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Mức tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng trên cơ sở mệnh giá trái phiếu đặc biệt do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định căn cứ vào mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, kết quả trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt và kết quả xử lý nợ xấu nhưng không vượt quá 70% so với mệnh giá trái phiếu đặc biệt.

Lãi suất tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ; lãi suất tái cấp vốn quá hạn bằng 150% lãi suất tái cấp vốn ghi trên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng. Thời hạn tái cấp vốn dưới 12 tháng nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2013.

12. **Ngân hàng thương mại chỉ được thành lập 10 chi nhánh tại Hà Nội:** Ngày 09/9/2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 21/2013/TT-NHNN về việc quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

Theo đó, Ngân hàng thương mại chỉ được thành lập không quá 10 chi nhánh tại khu vực nội thành Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh với nguồn vốn để thành lập 1 chi nhánh là 300 tỷ VND. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng được thành lập không quá 3 chi nhánh và những chi nhánh này không được thành lập trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên được phép thành lập không quá 5 chi nhánh trong 1 năm tài chính.

Mỗi ngân hàng thương mại tại khu vực nội thành Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh được thành lập số lượng phòng giao dịch không quá 2 lần số lượng chi nhánh hiện có tại mỗi khu vực, số lượng phòng giao dịch tại những địa phương còn lại không vượt quá 3 lần số chi nhánh hiện có tại những khu vực này.

Về điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại, Thông tư quy định: Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31/12 của năm trước liền kề năm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc ngân hàng nhà nước trong từng thời kỳ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/10/2013 và thay thế Quyết định số 13/2008/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008.

13. **Giảm lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu:** Ngày 03/9/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 126/2013/TT-BTC về việc sửa đổi thông tư số 77/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ Tài chính về việc qui định lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của nhà nước và mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư.

Theo đó, lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước bằng đồng Việt Nam là 8,7%/năm, giảm 0,6% so với mức lãi suất hiện hành là 9,3%/năm.

Mức lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước áp dụng đối với các khoản giải ngân vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Các quy định khác về lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư vẫn được thực hiện theo Thông tư số 77/2013/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

14. **Thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam:** Ngày 13/8/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1394/QĐ-TTg về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Theo đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (tên viết tắt DIV) có vốn điều lệ là 5.000 tỷ đồng do Ngân sách Nhà nước cấp; có trụ sở chính ở thành phố Hà Nội, văn phòng đại diện và các chi nhánh ở một số khu vực.

DIV là tổ chức tài chính Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, thực hiện chính sách bảo hiểm tiền gửi góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

DIV có nhiệm vụ xây dựng Chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi để Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện; đưa kiến nghị, đề xuất với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các chủ trương, chính sách về bảo hiểm tiền gửi; ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Thủ tướng Chính phủ giao DIV có trách nhiệm tham gia vào quá trình kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; tham gia quản lý, thanh lý tài sản và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật... ; cấp, cấp lại và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi; chi trả và ủy quyền chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

15. **Quản lý ngoại hối đối với phát hành trái phiếu quốc tế:** Ngày 16/7/2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 17/2013/TT-NHNN về việc hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

Theo đó, doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế chịu trách nhiệm về việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đợt phát hành phù hợp với mục đích của phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật. Đồng thời, được mở và sử dụng tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại 1 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép để thực hiện khoản phát hành. Ngân hàng Nhà nước nêu rõ, doanh nghiệp chỉ được rút vốn từ khoản phát hành trái phiếu quốc tế để sử dụng cho các mục đích đã được phê duyệt tại phương án phát hành sau khi được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký. Trường hợp cần mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản phát hành, doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với người cư trú là tổ chức kinh tế...

Doanh nghiệp được quyền mua ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép để thanh toán nợ gốc, lãi của trái phiếu và các loại phí liên quan đến khoản phát hành trên cơ sở xuất trình các chứng từ, văn bản chứng minh nhu cầu thanh toán theo quy định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép có trách nhiệm mở tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế; thực hiện việc nhận tiền thu được từ khoản phát hành; chuyển tiền thanh toán phí phát hành trái phiếu và chuyển tiền thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp trên cơ sở văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành (nếu có), các thỏa thuận hoặc hợp đồng doanh nghiệp ký với các bên liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế do doanh nghiệp xuất trình; thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài liệu liên quan, đảm bảo thực hiện đúng các giao dịch của khoản phát hành đã đăng ký, đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với quy định của pháp luật...

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/9/2013. Thông tư này thay thế Thông tư 19/2011/TT-NHNN ngày 24/8/2011; bãi bỏ khoản 4 Điều 3; khoản 3 Điều 4; các quy định về phát hành trái phiếu quốc tế tại khoản 4 Điều 2, khoản 6 Điều 2, khoản 1 Điều 4, Điều 5 Điều 6 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 2 Điều 13, điểm a khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 4 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 13 của Thông tư số 18/2011/TT-NHNN ngày 23/8/2011.



## CHỨNG KHOÁN

1. **Vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, phạt tới 2 tỷ đồng**: Ngày 23/9/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2013/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Theo đó, mức phạt tiền cao nhất từ 1,8-2 tỷ đồng áp dụng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ giả mạo để niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán.

Đối với hành vi gian lận hoặc tạo dựng, công bố thông tin sai sự thật nhằm lôi kéo, xúi giục việc mua, bán chứng khoán thì sẽ bị phạt tiền từ 1,2-1,4 tỷ đồng. Phạt tiền từ 1-1,2 tỷ đồng đối với hành vi giao dịch thao túng thị trường chứng khoán.

Đối với công ty chứng khoán thực hiện mua hoặc cho khách hàng mua chứng khoán khi không có đủ tiền theo quy định, trừ trường hợp pháp luật quy định khác, thì sẽ bị phạt tiền từ 100-150 triệu đồng.

Ngoài ra, phạt tiền từ 150-200 triệu đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện một trong các hành vi: Không xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng hoặc không quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng hoặc không quản lý tách bạch tiền của khách hàng với tiền của công ty chứng khoán; trực tiếp nhận và chi trả tiền giao dịch chứng khoán của khách hàng; nhận ủy quyền của khách hàng thực hiện chuyển tiền nội bộ giữa các tài khoản của khách hàng.

Phạt tiền từ 70-100 triệu đồng đối với hành vi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ nhưng không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật hoặc đã báo cáo nhưng chưa có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ.

Đối với hành vi không đăng ký chào mua công khai theo quy định của pháp luật sẽ bị phạt tiền từ 200-300 triệu đồng.

Các mức phạt trên áp dụng đối với tổ chức. Nếu cá nhân thực hiện cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2013 và thay thế Nghị định số 85/2010/NĐ-CP ngày 02/8/2010.

2. **Quản lý chất chế hoạt động công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam**: Ngày 28/6/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 91/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn đăng ký thành lập, tổ chức và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đó, Bộ Tài chính quy định cụ thể về các điều khoản về đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài; thành lập và hoạt động chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

Nếu xảy ra vi phạm, các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện trong các trường hợp: Công ty mẹ, văn phòng đại diện vi phạm các quy định về quản lý ngoại hối theo pháp luật Việt Nam, giao dịch nội bộ, thao túng thị trường và các giao dịch bị cấm khác theo quy định của pháp luật chứng khoán Việt Nam; không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật; Hồ sơ đề nghị cấp GCN đăng ký hoạt động văn phòng đại diện có những thông tin sai lệch, không chính xác hoặc bỏ sót những nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ; Hoạt động sai mục đích, không đúng chức năng hoặc không đúng nội dung quy định trong GCN đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc các quy định pháp luật khác về hoạt động của văn phòng đại diện; không gửi báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Công ty mẹ chấm dứt hoạt động, phá sản, giải thể hoặc công ty mẹ bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất mà tổ chức hình thành sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đề nghị chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam; Văn phòng đại diện không tiến hành hoạt động trong thời hạn mười hai tháng (12 tháng) kể từ ngày được cấp GCN đăng ký hoạt động.

Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt tạm ngừng hoạt động trong thời hạn tối đa hai năm trong các trường hợp sau: Buộc phải tạm ngừng hoạt động do không khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật về chi tiêu an toàn tài chính và có lỗ gộp dưới năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ; tự nguyện tạm ngừng hoạt động, với điều kiện đã thanh lý hết các hợp đồng kinh tế liên quan tới nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2013 và thay thế Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC ngày 26/12/2008.

## QUY ĐỊNH KHÁC

6. **Ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**: Ngày 19/12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Theo đó, nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư đó; trường hợp dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư thì được giảm 70% tiền sử dụng đất; còn đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư thì được giảm 50% tiền sử dụng đất.

Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc có quy mô nuôi tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ 3 tỷ đồng/dự án, riêng đối với chăn nuôi bò sữa cao sản mức hỗ trợ là 5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị.

Đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư nuôi trồng hải sản tập trung trên biển hoặc ven hải đảo được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100 triệu đồng cho 100 m<sup>3</sup> lồng nuôi đối với nuôi trồng hải sản ở vùng biển xa cách bờ trên 6 hải lý hoặc ven hải đảo; hỗ trợ 40 triệu đồng cho 100 m<sup>3</sup> lồng đối với nuôi trồng hải sản ở vùng biển gần bờ...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/02/2014, thay thế Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010.

7. **Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo:** Ngày 06/12/2013, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.

Theo đó, quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự phải có tài liệu hợp pháp chứng minh từ kết quả khảo sát thị trường của các tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp có chức năng nghiên cứu thị trường; Giấy chứng nhận hoặc các giấy tờ tương tự tại các cuộc thi, triển lãm có quy mô khu vực hoặc toàn quốc bình chọn và công nhận các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó. Thời gian sử dụng tài liệu hợp pháp chứng minh trên là 1 năm kể từ ngày tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận hoặc nhận kết quả khảo sát thị trường.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định các rường hợp phải thẩm định sản phẩm quảng cáo theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân bao gồm: Sản phẩm quảng cáo có nội dung liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo hoặc có các hành vi bị cấm trong quảng cáo; sản phẩm quảng cáo bị người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo từ chối thực hiện do không đảm bảo về tính hợp pháp của sản phẩm quảng cáo; có ý kiến khác nhau về nội dung sản phẩm quảng cáo giữa cơ quan quản lý Nhà Nước với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Riêng sản phẩm quảng cáo chỉ thể hiện lô-gô, biểu tượng, nhãn hiệu, thương hiệu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ sẽ không được thẩm định. Cục Văn hóa cơ sở có trách nhiệm gửi văn bản thẩm định sản phẩm quảng cáo cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Đồng thời, Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo cũng tự giải thể sau khi có kết quả thẩm định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2014.

8. **Quy định về ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu:** Ngày 26/11/2013, Quốc hội đã thông qua Luật số 43/2013/QH13 về đấu thầu.

Theo đó, nhà thầu sẽ được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu trong nước hoặc đấu thầu quốc tế để cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.

Các nhà thầu trong nước tham gia dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhiệm từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu khi tham gia đấu thầu quốc tế để cung cấp dịch vụ, tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp sẽ được hưởng ưu đãi.

Các nhà thầu có từ 25% trở lên số lượng lao động là nữ giới; nhà thầu có từ 25% trở lên là số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ khi tham gia đấu thầu trong nước để cung cấp dịch vụ, tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp cũng sẽ được hưởng ưu đãi.

Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo cách cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu thuộc đối tượng ưu đãi hoặc cộng thêm tiền vào giá dự thầu hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014, thay thế Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11

9. **Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng tới 1 tỷ đồng:** Ngày 10/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 121/2013/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Theo đó, mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức có hành vi vi phạm trong lĩnh vực hoạt động xây dựng là 01 tỷ đồng; trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở là 300 triệu đồng.

Mức phạt tiền từ 500 triệu đến 01 tỷ đồng áp dụng đối với trường hợp nhà thầu tiếp tục thực hiện thi công xây dựng đối với công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình đã bị người có thẩm quyền ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình; tổ chức thi công xây dựng công trình sai giấy phép, sai nội dung xây dựng được cấp hoặc không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có..., sau khi có biên bản vi phạm hành chính của người có thẩm quyền mà vẫn tái phạm.

Hành vi tự ý cơ nới, chiếm dụng diện tích, không gian hoặc làm hư hỏng tài sản thuộc phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung dưới mọi hình thức; đục phá, cải tạo, tháo dỡ kết cấu của phần sở hữu chung, phần sở hữu riêng hoặc phần sử dụng riêng; thay đổi phần kết cấu chịu lực, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị sử dụng

chung, kiến trúc bên ngoài của nhà chung cư cũng bị phạt tiền từ 50-60 triệu đồng. Mức phạt này cũng áp dụng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà chung cư như: Kinh doanh nhà hàng, karaoke, vũ trường; Sửa chữa xe máy; kinh doanh gia súc, gia cầm; hoạt động giết mổ gia súc; Kinh doanh gas hoặc các vật liệu nổ, dễ cháy.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 30/11/2013 thay thế Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009.

10. **Hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán:** Ngày 03/10/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 136/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán.

Theo đó, giá trị cho một (01) lần tham gia dự thưởng của người tham gia dự thưởng đối với từng sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán tối đa là 10.000 đồng (mười nghìn đồng). Giá trị một lần tham gia dự thưởng cụ thể do công ty xổ số điện toán quyết định và quy định tại Thể lệ tham gia dự thưởng.

Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch đối với từng sản phẩm do công ty xổ số điện toán xây dựng nhưng không vượt quá 60% tổng giá trị vé xổ số tự chọn số điện toán dự kiến phát hành.

Vé xổ số tự chọn số điện toán được phân phối theo các phương thức sau: Bán trực tiếp cho khách hàng thông qua thiết bị đầu cuối; Thông qua điện thoại cố định và điện thoại di động; Thông qua internet.

Đối với địa bàn phát hành vé xổ số tự chọn số điện toán thông qua phương thức phân phối thiết bị đầu cuối: Công ty xổ số điện toán lựa chọn một số tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước để triển khai phát hành vé xổ số tự chọn số điện toán theo quy định tại Thông tư này. Địa bàn kinh doanh cụ thể, công ty xổ số điện toán báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện. Đối với địa bàn phát hành vé xổ số tự chọn số điện toán thông qua điện thoại cố định, điện thoại di động và internet: Công ty xổ số điện toán được kinh doanh trên phạm vi cả nước.

Ngoài ra, vé xổ số tự chọn số điện toán được phát hành hàng ngày, trừ các trường hợp đặc biệt khác theo thông báo của công ty xổ số điện toán.

Việc phát hành vé xổ số tự chọn số điện toán của công ty xổ số điện toán phải kết thúc chậm nhất là mười lăm phút trước thời điểm quay số mở thưởng theo quy định. Riêng đối với sản phẩm xổ số tự chọn số quay số nhanh, việc phát hành vé phải kết thúc chậm nhất là năm phút trước thời điểm quay số mở thưởng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2013.

11. **Phạt tới 50 triệu đồng khi sử dụng hoá đơn bất hợp pháp:** Ngày 24/9/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2013/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn.

Theo đó, mức phạt từ 20-50 triệu đồng sẽ áp dụng đối với hành vi cho, bán hóa đơn đã mua nhưng chưa lập. Mức phạt này cũng được áp dụng đối với hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn. Đối với hành vi không khai báo việc làm mất hóa đơn đã mua nhưng chưa lập thì phạt từ 6-8 triệu đồng; nếu không hủy hóa đơn được mua đã hết hạn sử dụng sẽ bị phạt từ 2-4 triệu đồng.

Ngoài ra, trong lĩnh vực giá, hành vi bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ gây tâm lý hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường bị phạt tiền từ 10 - 15 triệu đồng; các hành vi vi phạm trên nếu đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng thì bị phạt tiền từ 75 - 100 triệu đồng.

Đối với hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định sẽ bị phạt tiền từ 1 đến 3 lần số tiền phí, lệ phí gian lận, trốn nộp. Mức phạt tối đa là 50 triệu đồng.

Cũng theo Nghị định này, phạt tiền từ 20-30 triệu đồng đối với hành vi không báo cáo giá mua thóc gạo xuất khẩu, gian lận trong việc khai báo giá xuất khẩu gạo; không báo cáo hoặc báo cáo không đúng lượng hàng hóa tồn kho dự trữ lưu thông của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Phạt tiền từ 80-120 triệu đồng đối với hành vi xuất khẩu gạo thấp hơn giá sàn gạo xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc quy định.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ 09/11/2013, thay thế Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003, Nghị định số 84/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 và chương V Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010.

12. **Quy định về xử phạt hành chính về kinh doanh bảo hiểm:** Ngày 28/8/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2013/NĐ-CP về việc quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số.

Theo đó, phạt tiền từ 20-30 triệu đồng đối với hành vi giải quyết bồi thường cho khách hàng chậm theo quy định của pháp luật.

Phạt tiền từ 60-70 triệu đồng đối với một trong các hành vi: Yêu cầu người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm trả thù lao, hay các quyền lợi vật chất khác trái pháp luật trong quá trình giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm; thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật.

Đối với hành vi gian dối, giải mạo tài liệu trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm đã nhận bồi thường, trả tiền bảo hiểm thì sẽ bị phạt tiền từ 90-100 triệu đồng.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định về mức xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh xổ số với mức phạt cao nhất tới 200 triệu đồng đối với hành vi cố ý thông tin kết quả trúng thưởng sai lệch so với biên bản xác nhận của Hội đồng giám sát xổ số. Phạt tiền từ 80 - 100 triệu đồng đối với hành vi cung cấp thông tin dự đoán trước kết quả xổ số. Phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng đối với hành vi in số lượng vé xổ số không đủ theo từng loại ký hiệu vé xổ số và cơ cấu giải thưởng đã thông báo pháp hành...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2013, thay thế Nghị định số 41/2009/NĐ-CP ngày 05/5/2009; Nghị định số 105/2010/NĐ-CP ngày 27/10/2010.

13. **Thu hồi sản phẩm thải bỏ:** Ngày 09/8/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2013/QĐ-TTg về việc quy định về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quy định các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm thiết lập các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ, tiếp nhận sản phẩm thải bỏ do doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu; xử lý sản phẩm thải bỏ.

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, người tiêu dùng, cơ sở thu gom và xử lý sản phẩm thải bỏ được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Từ 1/1/2015, thu hồi và xử lý các loại, pin các loại thải bỏ; một số sản phẩm thiết bị điện tử, điện dân dụng và công nghiệp thải bỏ như bóng đèn compact; bóng đèn huỳnh quang; máy vi tính; máy in; máy fax; máy chụp ảnh; máy quay phim; máy điện thoại di động; máy tính bảng... Cùng thời điểm này, cũng thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ đã hết thời hạn sử dụng là hóa chất công nghiệp nguy hiểm; hóa chất, sản phẩm hóa chất sử dụng trong thú y; hóa chất, sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật; hóa chất, sản phẩm hóa chất sử dụng trong ngành thủy sản; thuốc sử dụng cho người.

Từ 1/1/2016, thu hồi và xử lý máy photocopy, tivi, tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, máy giặt thải bỏ...

Với phương tiện giao thông là xe mô tô, xe gắn máy các loại, xe ô tô các loại thải bỏ sẽ bị thu hồi và xử lý từ 1/1/2018.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2013.

14. **Quy định mới về minh bạch tài sản:** Ngày 17/7/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2013/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập.

Theo đó, thay vì quy định 10 nhóm đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập theo quy định hiện hành, Nghị định mới xác định cụ thể 09 nhóm đối tượng phải kê khai, công khai, giải trình bao gồm: Đại biểu Quốc hội, HĐND chuyên trách; Cán bộ, công chức từ Phó trưởng phòng của UBND cấp huyện trở lên và người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương; Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, người giữ chức vụ tương đương Phó trưởng phòng trở lên trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề của Nhà nước...

15. **Các tài sản, thu nhập phải kê khai, bao gồm:** Các loại nhà, công trình xây dựng; các quyền sử dụng đất; tài sản ở nước ngoài; ô tô, mô tô, xe máy, tàu, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên; các khoản nợ phải trả có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên và tổng thu nhập trong năm...

Việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31/12 hằng năm.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/09/2013 và thay thế Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/03/2007, Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011.

16. **04 điều kiện được cấp Giấy phép thiết lập mạng xã hội:** Ngày 15/7/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.

Theo đó, tổ chức, doanh nghiệp chỉ được thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, thiết lập mạng xã hội khi có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép thiết lập mạng xã hội.

Để được cấp giấy phép trên, tổ chức, doanh nghiệp phải đáp ứng đủ 5 điều kiện: 1- Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp; 2- Có nhân sự quản lý đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; 3- Đã đăng ký tên miền sử dụng để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội; 4- Có đủ khả năng tài chính, kỹ thuật, tổ chức, nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động; 5- Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin.

Bên cạnh đó, Nghị định này cũng quy định điều kiện hoạt động của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi đáp ứng các điều kiện như: Có đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; địa điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng cách cổng trường tiểu học, trung học phổ thông từ 200 m trở lên. Tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tối thiểu 50 m<sup>2</sup> tại các khu vực đô thị đặc biệt, đô thị loại I, loại III; tối thiểu 40 m<sup>2</sup> tại các đô thị loại IV, loại V; tối thiểu 30 m<sup>2</sup> tại các khu vực khác...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2013, thay thế Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008; bãi bỏ Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-BCVT-VHTT-CA-KHĐT ngày 14/7/2005 và Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01/6/2006.

**PHẦN III. TỶ GIÁ THAM KHẢO TRONG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**

**1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 07/2013 đến tháng 12/2013**

<i>Tháng 07/2013</i>				<i>Tháng 08/2013</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
03/07	21.036	10/07	21.036	05/08	21.036	15/08	21.036
24/07	21.036	31/07	21.036	26/08	21.036	31/08	21.036

  

<i>Tháng 09/2013</i>				<i>Tháng 10/2013</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
02/09	21.036	16/09	21.036	02/10	21.036	16/10	21.036
23/09	21.036	30/09	21.036	23/10	21.036	30/10	21.036

  

<i>Tháng 11/2013</i>				<i>Tháng 12/2013</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/11	20.828	15/11	21.036	03/12	20.828	10/12	21.036
22/11	20.828	29/11	21.036	24/12	20.828	31/12	21.036

**2. Tỷ giá tính chéo giữa Đồng VN với một số ngoại tệ tại ngày 31/12/2013**

STT	Ngoại tệ	Tên ngoại tệ	Tỷ giá
1	EUR	Đồng Euro	28.684,69
2	JPY	Yên Nhật	201,57
3	GBP	Bảng Anh	34.395,96
4	CHF	Phơ răng Thụy Sĩ	23.407,14
5	AUD	Đô la Úc	18.677,86
6	CAD	Đô la Canada	19.724,33
7	SEK	Curon Thụy Điển	3.192,01
8	NOK	Curon Nauy	3.415,27
9	DKK	Curon Đan Mạch	3.846,13
10	RUB	Rúp Nga	638,13
11	NZD	Đô la Newzealand	17.255,83
12	HKD	Đô la Hồng Kông	2.712,68
13	SGD	Đô la Singapore	16.605,62
14	MYR	Ringít Malaysia	6.403,65
15	THB	Bath Thái	645,47
16	IDR	Rupiah Indônêsia	1,72
17	INR	Rupee Ấn độ	338,09
18	TWD	Đô la Đài Loan	703,26
19	CNY	Nhân dân tệ TQuốc	3.464,83
20	KHR	Riêl Cămpuchia	5,27
21	LAK	Kíp Lào	2,63
22	MOP	Pataca Macao	2.635,63
23	TRY	Thổ Nhĩ Kỳ	10.145,17
24	KRW	Won Hàn Quốc	19,82